CÔNG TY CỔ PHẦN **QUẢN LÝ QUỸ KỸ THƯƠNG** **TECHCOMCAPITAL** Số: 012802/25/CV-TCC	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** *Ngày 28 tháng 02 năm 2025*

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

***Kính gửi*: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**

Công ty: Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương
Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 20, Tòa nhà Techcombank, số 6 phố Quang Trung, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
Điện thoại: (024) 3944 6368
Fax: (024) 3944 6583
Người thực hiện công bố thông tin: Ông Phí Tuấn Thành
Địa chỉ: Tầng 20, Tòa nhà Techcombank, số 6 phố Quang Trung, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.
Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 024. 3944 6368
Loại thông tin công bố ☑24 giờ ☐72 giờ ☐theo yêu cầu ☐định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Ngày 28/02/2025, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương quyết nghị về việc ban hành Quy chế Công bố thông tin tại Công ty (chi tiết như tài liệu đính kèm)

Thông tin này đồng thời được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty ngày 28/02/2025 tại đường dẫn: http://techcomcapital.com.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người được ủy quyền công bố thông tin

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ KỸ THƯƠNG

Phí Tuấn Thành

Nơi nhận:
- *Như kính gửi*
- *Lưu Công ty*

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ KỸ THƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TECHCOMCAPITAL	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 012802/25/NQ-HĐQT-TCC	*Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2025*

NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ KỸ THƯƠNG

("V/v: ban hành Quy chế Công bố thông tin tại Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương")

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020, có hiệu lực ngày 01/01/2021;*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019, có hiệu lực ngày 01/01/2021;*
- *Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương (sau đây gọi là "Công ty" hoặc "TCC");*
- *Căn cứ Tờ trình Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương số 032002/25/TT-TCC ngày 20/02/2025 về việc ban hành Quy chế Công bố thông tin tại Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương ("Tờ trình số 032002/25/TT-TCC");*
- *Căn cứ Biên bản kiểm phiếu về việc lấy ý kiến Hội đồng quản trị Công ty số 012802/25/BBKP-HĐQT-TCC ngày 28/02/2025.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1 Phê duyệt ban hành Quy chế Công bố thông tin tại Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương *(toàn văn như tài liệu đính kèm)*. Quy chế Công bố thông tin tại Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương ban hành kèm theo Nghị quyết này thay thế Quy định về Công bố thông tin tại Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương ban hành kèm theo Quyết định số 95B/2019/QĐ-TCC ngày 15/04/2019.

Điều 2 **Hiệu lực và thi hành:**

2.1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2.2. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các phòng, ban, cá nhân có liên quan thuộc Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.\.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ KỸ THƯƠNG

NGUYỄN XUÂN MINH

BẢNG KIỂM SOÁT

BIÊN SOẠN		
Bộ phận Kế toán Hành chính	Bộ phận Phát triển sản phẩm	Bộ phận Đầu tư và Quản lý danh mục
...../...../2025	...../...../2025	...../...../2025
Phan Thị Thu Hằng	Vũ Thanh Hằng	Lê Hồng Phương

KIỂM SOÁT	
Bộ phận Quản trị rủi ro	Bộ phận Kiểm soát nội bộ
...../...../2025	...../...../2025
Nguyễn Thị Hồng Nhung	Đào Thị Tú Uyên

TỔNG GIÁM ĐỐC
..../.../2025
PHÍ TUẤN THÀNH

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
28/02/2025
NGUYỄN XUÂN MINH

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của TCC. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của TCC.

MỤC LỤC

CHƯƠNG I.QUY ĐỊNH CHUNG 4
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng 4
Điều 2. Giải thích thuật ngữ và các từ viết tắt 4
Điều 3. Người thực hiện công bố thông tin 5
Điều 4. Trách nhiệm của các bộ phận 6
CHƯƠNG II: QUY ĐỊNH CỤ THỂ 7
MỤC 1: YÊU CẦU VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN 7
Điều 5. Chế độ CBTT 7
Điều 6. Nguyên tắc của việc CBTT 7
Điều 7. Phương tiện công bố thông tin 8
Điều 8. Hình thức CBTT 8
Điều 9. Tạm hoãn, sửa đổi nội dung công bố thông tin 9
MỤC 2. NỘI DUNG, TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC CÔNG BỐ THÔNG TIN 9
Điều 10. Các loại công bố thông tin 9
Điều 11. Quy trình thực hiện công bố thông tin 10
Điều 12. Điều khoản thi hành 12
QUẢN LÝ VĂN BẢN 13

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của TCC. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của TCC.

LỊCH SỬ THAY ĐỔI VĂN BẢN

Lần ban hành/sửa đổi	Số Văn bản	Ngày ban hành	Sửa đổi điều khoản/mục	Nội dung	Trang số	Lý do sửa đổi
01/00	012.802/251.NQ-HĐQT-TCC...2512		Ban hành mới			

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của TCC. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của TCC.

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN TẠI CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ KỸ THƯƠNG

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

- Quy chế này quy định về hoạt động công bố thông tin tại Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ thương bao gồm: yêu cầu về công bố thông tin; nội dung công bố thông tin, quy trình thực hiện công bố thông tin và trách nhiệm của cá nhân, đơn vị chức năng có liên quan tới hoạt động công bố thông tin tại Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ thương.
- Quy chế này áp dụng đối với tất cả các đơn vị, cá nhân có liên quan tới hoạt động công bố thông tin trong toàn hệ thống Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Kỹ thương

Điều 2. Giải thích thuật ngữ và các từ viết tắt

2.1. Giải thích thuật ngữ

- **Ngày công bố thông tin** là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin theo quy định.
- **Ngày báo cáo về việc công bố thông tin** là ngày gửi dữ liệu điện tử qua email, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán hoặc ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán nhận được văn bản báo cáo về việc công bố thông tin tùy theo thời điểm nào đến trước.
- **Người công bố thông tin** là Người đại diện theo pháp luật hoặc Người được Người đại diện theo pháp luật ủy quyền thực hiện công bố thông tin (Người được ủy quyền CBTT).
- **Bộ phận đầu mối Công bố thông tin** là bộ phận giúp việc cho Người công bố thông tin, thực hiện các thủ tục liên quan đến công bố thông tin.
- **Bộ phận phát sinh sự kiện** là bộ phận có phát sinh/phát hiện sự kiện cần công bố thông tin.
- **Quỹ đại chúng**: là quỹ đầu tư chứng khoán thực hiện chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng. Quỹ đại chúng bao gồm quỹ đóng và quỹ mở, trong đó có bao gồm cả quỹ hoán đổi danh mục, quỹ đầu tư bất động sản…
- **Người nội bộ của Quỹ đại chúng** là Thành viên Ban đại diện Quỹ, người điều hành Quỹ, người nội bộ của Công ty quản lý quỹ phù hợp với quy định của Luật Chứng Khoán.
- **Ban điều hành** là bộ phận bao gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc có nhiệm vụ quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty theo chiến lược và quyết định của Hội đồng quản trị.

2.2. Các từ viết tắt

- TCC/ Công ty: Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương
- NHNN: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- UBCKNN: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của TCC. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của TCC.

- SGDCK: Sở Giao dịch Chứng khoán
- VSDC: Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt NamCBTT: Công bố thông tin
- ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông
- HĐQT: Hội đồng quản trị
- TGĐ: Tổng Giám đốc Công ty
- FA: Bộ phận Quản trị quỹ (Fund Admin) thuộc Bộ phận Phát triển sản phẩm
- KTHC: Kế toán Hành chính
- KSNB: Kiểm soát nội bộ
- QTRR: Quản trị rủi ro
- QLQ: Quản lý quỹ
- FMS (Fund Management system): Hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý Công ty Quản lý Quỹ và Quỹ đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- UBGSTCQG: Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc Gia
- PL: Pháp luật
- UQ: Ủy quyền

Điều 3. Người thực hiện công bố thông tin

3.1. Người thực hiện CBTT

Người thực hiện công bố thông tin là Người đại diện theo pháp luật hoặc Người được Người đại diện theo pháp luật ủy quyền thực hiện công bố thông tin (Người được ủy quyền CBTT):

- Công ty phải báo cáo, báo cáo lại thông tin về Người thực hiện CBTT cho UBCKNN và Sở giao dịch chứng khoán (trường hợp quỹ đại chúng niêm yết) trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện CBTT có hiệu lực. Nội dung thông tin báo cáo về người thực hiện công bố thông tin bao gồm: Giấy ủy quyền công bố thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC, Bản cung cấp thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC.
- Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà tất cả Người đại diện theo pháp luật và Người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban Điều hành có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin. Trường hợp có hơn 01 người giữ chức vụ cao nhất, các thành viên còn lại của Ban Điều hành phải thực hiện bầu hoặc chỉ định 01 người chịu trách nhiệm công bố thông tin.

3.2. Quyền hạn và trách nhiệm của Người thực hiện CBTT

- Đại diện cho Công ty thực hiện CBTT.
- Yêu cầu các bộ phận có liên quan cung cấp, báo cáo số liệu đầy đủ, đúng thời hạn.
- Đề xuất, kiến nghị với HĐQT về những vấn đề liên quan đến hoạt động CBTT, sửa đổi, bổ sung Quy chế này.
- Chịu trách nhiệm trước Công ty và pháp luật về các thông tin công bố.

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của TCC. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của TCC.

Điều 4. Trách nhiệm của các Bộ phận:

4.1. Bộ phận đầu mối công bố thông tin:

- Tổng hợp, trình ký các văn bản công bố thông tin tới cấp có thẩm quyền và CBTT đúng thời hạn theo quy định;
- Thực hiện việc CBTT lên các phương tiện CBTT hoặc gửi văn bản cho cơ quan quản lý nhà nước trong trường hợp cần thiết;
- Trong trường hợp chưa có phương án CBTT hợp lý dẫn đến không thể thực hiện đúng thời hạn, Bộ phận đầu mối công bố thông tin báo cáo Người thực hiện CBTT, phối hợp với các bộ phận liên quan để có phương án khắc phục/ giải trình với cơ quan nhà nước;
- Trong trường hợp các bộ phận cung cấp thông tin không đúng thời gian của quy định này thì Bộ phận đầu mối công bố thông tin báo cáo Người thực hiện CBTT để có chỉ đạo kịp thời;
- Là đầu mối tiếp nhận và cung cấp thông tin theo yêu cầu cho UBCKNN, SGDCK, các cơ quan chức năng sau khi xin ý kiến của Người thực hiện CBTT (nếu cần thiết) khi nhận được yêu cầu liên quan đến các nội dung về CBTT;
- Giải trình cho UBCKNN, SGDCK khi có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố và yêu cầu các đơn vị liên quan phối hợp, cung cấp thông tin phục vụ yêu cầu CBTT theo yêu cầu của pháp luật và cơ quan quản lý;
- Thực hiện lưu trữ hồ sơ CBTT.

4.2. Trách nhiệm của Bộ phận phát sinh sự kiện:

- Cung cấp thông tin mẫu theo quy định của cơ quan nhà nước, các văn bản quyết định và các tài liệu liên quan khi phát sinh các sự kiện cần CBTT tới bộ phận đầu mối CBTT theo đúng thời gian quy định của pháp luật và theo quy định nội bộ của TCC từng thời kỳ;
- Chịu trách nhiệm cung cấp đầy đủ và chính xác số liệu liên quan cho Người thực hiện CBTT / Bộ phận đầu mối CBTT theo quy định và khi có yêu cầu;
- Trong trường hợp có khả năng xảy ra việc cung cấp báo cáo, văn bản chậm so với quy định vì bất kỳ lý do nào thì phải thông báo ngay cho Người thực hiện CBTT và Bộ phận đầu mối CBTT để kịp thời xử lý và báo cáo cơ quan quản lý;
- Phối hợp với Bộ phận đầu mối CBTT cung cấp thông tin, gửi nội dung giải trình liên quan đến các thông tin phát sinh từ đơn vị, phạm vi công việc của bộ phận mình khi có yêu cầu giải trình của cơ quan quản lý nhà nước.

4.3. Trách nhiệm của Bộ phận Marketing và quan hệ khách hàng

- Chịu trách nhiệm đăng tải kịp thời trên các trang thông tin điện tử của TCC khi nhận được yêu cầu của Người thực hiện CBTT /Bộ phận đầu mối CBTT.
- Đánh giá ảnh hưởng về phương diện truyền thông của các nội dung CBTT và đưa ra các ý kiến cảnh báo về các rủi ro truyền thông của thông tin với Người thực hiện CBTT và bộ phận đầu mối CBTT.

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của TCC. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của TCC.

- Theo dõi ảnh hưởng của dư luận sau khi đã công bố thông tin.

4.4. Trách nhiệm của bộ phận Pháp chế

- Theo dõi thay đổi của Pháp luật liên quan dẫn đến việc thay đổi các quy định về CBTT để thông báo cho Bộ phận đầu mối ban hành văn bản thực hiện sửa đổi các quy định liên quan đến việc CBTT.
- Tư vấn cho Bộ phận đầu mối CBTT/Người thực hiện CBTT đảm bảo thực hiện đúng yêu cầu của pháp luật về nghĩa vụ CBTT.

4.5. Trách nhiệm của Bộ phận Quản trị quỹ

- Đóng vai trò là bộ phận thực hiện lập báo cáo và là đầu mối CBTT cho các quỹ;
- Cung cấp các thông tin, báo cáo liên quan phục vụ cho việc CBTT của Công ty;
- Hỗ trợ nhà đầu tư thủ tục CBTT đảm bảo tuân thủ theo quy định

4.6. Trách nhiệm của cán bộ nhân viên Công ty QLQ

- Cán bộ nhân viên của Công ty QLQ là nhà đầu tư thuộc đối tượng CBTT chịu trách nhiệm thực hiện CBTT hoặc cung cấp đầy đủ thông tin cho Bộ phận đầu mối CBTT để hỗ trợ công tác công bố thông tin theo quy định.

CHƯƠNG II: QUY ĐỊNH CỤ THỂ

MỤC 1: YÊU CẦU VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 5. Chế độ CBTT

- Công ty thực hiện CBTT định kỳ/ bất thường/ theo yêu cầu/khác theo quy định của pháp luật và các thông tin khác nếu Công ty thấy cần thiết;
- Các nội dung CBTT được xác định theo quy định pháp luật và được quy định tại các Phụ lục đính kèm theo Quy chế này.

Điều 6. Nguyên tắc của việc CBTT

- Việc CBTT phải đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định của pháp luật. Việc CBTT phải do Người đại diện pháp luật của Công ty hoặc Người được uỷ quyền CBTT thực hiện. Người đại diện pháp luật của Công ty phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin do Người được ủy quyền CBTT công bố;
- Công ty có nghĩa vụ CBTT theo Quy chế nội bộ về công bố thông tin của Công ty và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành liên quan đến công bố thông tin áp dụng cho công ty Quản lý quỹ và các quỹ đại chúng
- CBTT phải được thực hiện theo đúng biểu mẫu của cơ quan chức năng và gửi theo đúng phương thức được yêu cầu;
- Khi tiến hành CBTT, phải đồng thời báo cáo UBCKNN và/hoặc SGDCK về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân và các đối tượng CBTT không muốn công khai

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của TCC. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của TCC.

các thông tin này thì phải gửi UBCKNN và/hoặc SGDCK 02 (hai) bản tài liệu, trong đó 01 (một) bản bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 (một) bản không bao gồm thông tin cá nhân;

- Ngôn ngữ thông tin công bố trên thị trường chứng khoán là tiếng Việt và/hoặc tiếng Anh theo quy định của pháp luật từng thời kỳ.
- Các bộ phận/cá nhân phát sinh sự kiện cần CBTT gửi các tài liệu liên quan cho Bộ phận đầu mối CBTT một cách đầy đủ, chính xác và kịp thời theo biểu mẫu quy định và kịp thời theo quy định của pháp luật, Quy định chế này;
- Ngày CBTT là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện CBTT theo quy định; ngày báo cáo về việc CBTT là ngày gửi dữ liệu điện tử (qua email hoặc qua hệ thống công nghệ thông tin tiếp nhận báo cáo) hoặc ngày công ty gửi công bố thông tin bằng văn bản tới UBCKNN, SGDCK;
- Việc CBTT sẽ chỉ được thực hiện khi Người thực hiện CBTT phê duyệt văn bản CBTT;
- Trường hợp nghĩa vụ CBTT phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, TCC thực hiện công bố thông tin trên website và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ CBTT theo quy định pháp luật ngay sau khi ngày nghỉ, ngày lễ kết thúc;
- Việc bảo quản, lưu giữ thông tin đã công bố được lưu trữ tại Bộ phận đầu mối CBTT (bản copy) trong thời hạn theo quy định của pháp luật. Cụ thể:
  - (i) Các thông tin công bố định kỳ phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu là 05 năm;
  - (ii) Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử Công ty tối thiểu là 05 năm.
- Trong trường hợp quy định Pháp luật về CBTT không cụ thể, bộ phận đầu mối CBTT cần xin ý kiến tư vấn của bộ phận Pháp chế về nội dung, cách thức công bố thông tin phù hợp với quy định. Sau đó báo cáo cho Người đại diện theo pháp luật để quyết định về nội dung CBTT.

Điều 7. Phương tiện công bố thông tin

- Trang thông tin điện tử (website) của TCC;
- Hệ thống CBTT của UBCKNN;
- Hệ thống CBTT của các SGDCK; phương tiện công bố thông tin khác theo Quy chế của SGDCK;
- Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định pháp luật.

Điều 8. Hình thức CBTT

- Các thông tin cung cấp phục vụ CBTT được thực hiện bằng văn bản giấy (có chữ ký của người CBTT và dấu của Công ty) và/hoặc văn bản điện tử yêu cầu của UBCKNN, SGDCK. Các văn bản điện tử có sử dụng chứng thư số có giá trị thay thế văn bản giấy có đóng dấu.

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của TCC. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của TCC.

- Việc CBTT còn thực hiện qua phần mềm theo quy định của UBCKNN/ SGDCK tại từng thời kỳ. Các cá nhân/bộ phận được phân công thực hiện CBTT thông qua phần mềm CBTT phải đảm bảo bảo mật thông tin đăng ký bao gồm tên truy cập và mật khẩu để CBTT đến UBCKNN/ SGDCK.

Điều 9. Tạm hoãn, sửa đổi nội dung công bố thông tin

9.1. Tạm hoãn công bố thông tin

- Trường hợp việc CBTT không thể thực hiện đúng thời hạn vì những lý do bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh và những trường hợp khác được UBCKNN chấp thuận cho tạm hoãn CBTT), TCC phải báo cáo UBCKNN, SGDCK về việc tạm hoãn CBTT ngay khi xảy ra các sự kiện bất khả kháng đó, đồng thời nêu rõ lý do của việc tạm hoãn CBTT và phải công bố về việc tạm hoãn CBTT.
- TCC sẽ thực hiện công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật ngay sau khi tình trạng bất khả kháng đã được khắc phục.

9.2. Sửa đổi nội dung công bố thông tin

- Khi cần sửa đổi nội dung thông tin đã công bố, các đơn vị, cá nhân có liên quan lập báo cáo, giải trình với Người CBTT về nguyên nhân cần thay đổi thông tin đã công bố, nội dung thay đổi, trách nhiệm của đơn vị, cá nhân có liên quan tới việc thay đổi nội dung thông tin đã công bố.
- Trường hợp cần thiết phải thay đổi nội dung thông tin đã công bố, Công ty báo cáo và có văn bản giải trình gửi UBCKNN, SGDCK về việc thay đổi này.

MỤC 2: NỘI DUNG, TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 10. Các loại công bố thông tin

- Công bố thông tin định kỳ của Công ty quản lý quỹ (Phụ lục 01)
- Công bố thông tin bất thường của Công ty quản lý quỹ (Phụ lục 02)
- Công bố thông tin khác của Công ty quản lý quỹ (Phụ lục 03)
- Công bố thông tin của Quỹ mở (Phụ lục 04)
- Công bố thông tin của Quỹ đầu tư bất động sản (Phụ lục 05)
- Công bố thông tin của Quỹ Hoán đổi danh mục (Phụ lục 06)

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của TCC. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của TCC.

Điều 11. Quy trình thực hiện công bố thông tin

11.1. Lưu đồ quy trình CBTT

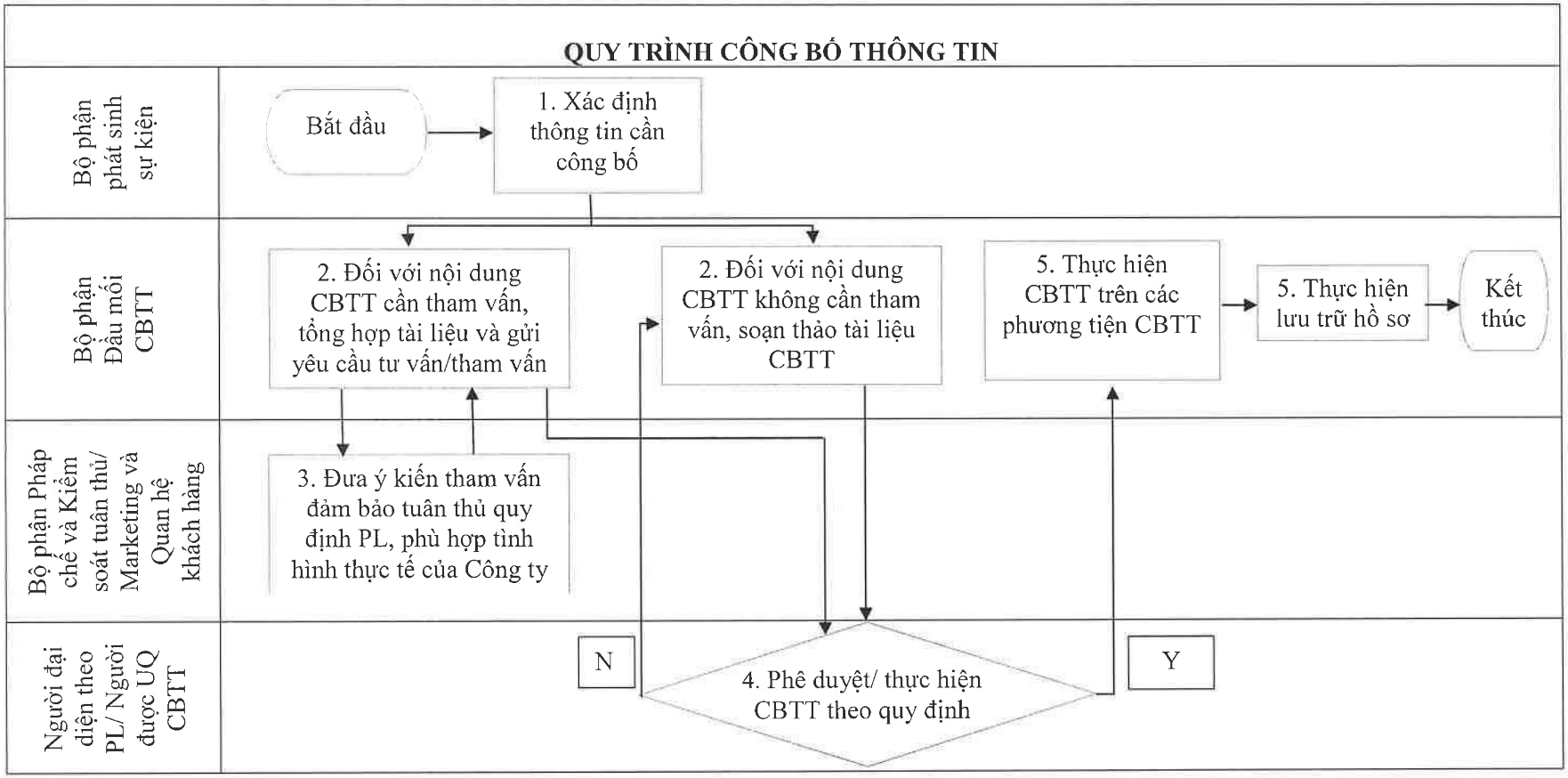

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của TCC. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của TCC.

11.2. Diễn giải:

STT	Bộ phận thực hiện	Hướng dẫn	Kết quả cần đạt được	Thời gian thực hiện
1	Bộ phận phát sinh sự kiện	Xác định các thông tin cần được công bố/ có khả năng phải công bố gửi đến Bộ phận đầu mối CBTT *Khuyến nghị Bộ phận chủ động rà soát Thông tư 96 và các văn bản có liên quan đến hoạt động công bố thông tin trên thị trường chứng khoán để đánh giá trước nhu cầu CBTT*	Thông tin cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời	Thời gian cung cấp thông tin là kể từ thời điểm phát sinh thông tin phải được công bố theo quy định của pháp luật. Đối với các sự kiện cần CBTT trong vòng 24 giờ thì Bộ phận CBTT cần nhận được thông tin không chậm hơn 8 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện để kịp thời xử lý
2	Bộ phận đầu mối CBTT	Sau khi nhận được thông tin, Bộ phận đầu mối CBTT thực hiện: - Đối với nội dung CBTT không cần tham vấn: Bộ phận đầu mối CBTT soạn thảo tài liệu CBTT; chuẩn bị đầy đủ hồ sơ CBTT để trình phê duyệt Người đại diện theo PL/Người được UQ CBTT	Chuẩn bị hồ sơ CBTT đầy đủ, đúng quy định của pháp luật	Ngay sau khi nhận được thông tin cung cấp từ Bộ phận phát sinh sự kiện và đảm bảo trong thời hạn CBTT theo quy định pháp luật
		- Đối với việc CBTT cần tham vấn: Bộ phận đầu mối CBTT tổng hợp tài liệu liên quan đến sự kiện, gửi yêu cầu tư vấn/tham vấn đến bộ phận Pháp chế và Kiểm soát tuân thủ và/hoặc Marketing và Quan hệ khách hàng	Gửi email/Jira tư vấn và nhận ý kiến tư vấn	

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của TCC. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của TCC.

3	Bộ phận Pháp chế và Kiểm soát tuân thủ/Marketing và Quan hệ khách hàng	Đưa ra ý kiến tham vấn đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật, phù hợp tình hình thực tế của Công ty.	Gửi lại email/Jira trả lời cho bộ phận CBTT	Ngay sau khi nhận được email/Jira cần tư vấn từ Bộ phận CBTT
4	Người đại diện theo PL/Người được UQ CBTT	Người đại diện theo PL: Phê duyệt việc CBTT (nếu cần) Người được UQ CBTT: thực hiện CBTT theo quy định	Ký duyệt các tài liệu để CBTT	Ngay khi nhận được tài liệu đầy đủ từ bộ phận CBTT
5	Bộ phận đầu mối CBTT	Thực hiện CBTT trên các phương tiện theo quy định pháp luật và quy chế CBTT tùy từng thời kỳ; Gửi email yêu cầu bộ phận Marketing thực hiện CBTT trên website Công ty; Thực hiện lưu trữ hồ sơ CBTT.	Thông tin được công bố đầy đủ, hợp lệ, đúng thời hạn theo quy định của pháp luật; Hồ sơ được lưu trữ theo quy định CBTT của Công ty	Ngay khi nhận được phê duyệt của Người đại diện theo PL/Người được ủy quyền CBTT

Điều 12. Điều khoản thi hành

- Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế Quy định về công bố thông tin ban hành kèm quyết định số 95B/2019/QĐ-TCC ban hành ngày 15/04/2019
- Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế này do HĐQT quyết định. Khi có những nội dung nào của Quy chế này trái/mâu thuẫn với quy định của Pháp luật thì sẽ thực hiện theo quy định của Pháp luật hiện hành và điều khoản trái/ mâu thuẫn với quy định đó sẽ đương nhiên hết hiệu lực thi hành.
- Để đảm bảo thực hiện kịp thời nghĩa vụ công bố thông tin trong trường hợp có thay đổi quy định của pháp luật, Hội đồng quản trị giao/ủy quyền Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định, phê duyệt và ký ban hành Phụ lục điều chỉnh/bổ sung/sửa đổi/thay thế (các) Phụ lục công bố thông tin đính kèm Quy chế này để phù hợp với quy định của pháp luật và văn bản cập nhật.
- Các nghĩa vụ không được quy định trong Quy chế này sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của TCC. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của TCC.

- Trưởng các bộ phận, các đơn vị chức năng và cá nhân liên quan của Công ty có trách nhiệm thi hành Quy chế này.

QUẢN LÝ VĂN BẢN

Các Phụ lục kèm theo

Stt	Mã hiệu	Tên mẫu biểu
1	PL01-QC.CBTT.TCC	CBTT ĐỊNH KỲ CỦA CÔNG TY QLQ
2	PL02-QC.CBTT.TCC	CBTT BẤT THƯỜNG CỦA CÔNG TY QLQ
3	PL03-QC.CBTT.TCC	CBTT KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TY QLQ
4	PL04-QC.CBTT.TCC	CBTT CỦA QUỸ MỞ
5	PL05-QC.CBTT.TCC	CBTT CỦA QUỸ ĐẦU TƯ BẤT ĐỘNG SẢN
6	PL06-QC.CBTT.TCC	CBTT CỦA QUỸ HOÁN ĐỔI DANH MỤC

Stt	Mã hiệu	Tên mẫu biểu
1	MB01-QC.CBTT.TCC	MẪU CBTT

TÀI LIỆU THAM KHẢO NỘI BỘ

TÀI LIỆU THAM KHẢO BÊN NGOÀI

Tên	Số hiệu	Ngày ban hành	Cơ quan ban hành
Luật Chứng khoán năm 2019	54/2019/QH14	26/11/2019	Quốc hội
Luật Phòng, chống rửa tiền 2022	14/2022/QH15	15/11/2022	Quốc hội
Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán	155/2020/NĐ-CP	31/12/2020	Chính phủ
Nghị định hướng dẫn Luật Phòng, chống rửa tiền	19/2023/NĐ-CP	28/04/2023	Chính phủ
Thông tư Quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán	91/2020/TT-BTC	13/11/2020	Bộ Tài chính

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của TCC. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của TCC.

không đáp ứng tiêu chí an toàn tài chính			
Thông tư hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán	96/2020/TT-BTC	16/11/2020	Bộ Tài chính
Thông tư Hướng dẫn thành lập và hoạt động quỹ bất động sản	98/2020/TT-BTC	16/11/2020	Bộ Tài chính
Thông tư Hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở	98/2020/TT-BTC	16/11/2020	Bộ Tài chính
Thông tư hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty QLQ	99/2020/TT-BTC	16/11/2020	Bộ Tài chính
Hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng	118/2020/TT-BTC	31/12/2020	Bộ Tài chính
Quy chế thành viên của SGDCK Việt Nam	01/QĐ-SGDVN	20/01/2022	SGDVN

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của TCC. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của TCC.

PHỤ LỤC 01 - TỔNG HỢP LOẠI VÀ THỜI HẠN CBTT CÔNG TY QLQ (ĐỊNH KỲ)

STT	Nội dung	Phân loại	Điều /khoản/mục	Văn bản quy định	Mẫu báo cáo	Gửi cho	Bộ phận lập báo cáo	Thời hạn gửi cho đầu mối CBTT	Bộ phận gửi	Thời hạn nộp/CBTT	Hình thức gửi
I	*Báo cáo quý*										
1	Báo cáo tài chính quý	Báo cáo và CBTT	- Điều 22.1, 14.3, 10.1 TT96 - Điều 29.1.d và 29.2.b TT99	- Thông tư 96/2020/TT-BTC - Thông tư 99/2020/TT-BTC	- Báo cáo tài chính quý phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán "Báo cáo tài chính giữa niên độ", được lập theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 10 Thông tư này. - Toàn văn báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có) phải được công bố đầy đủ, kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của công ty trong trường hợp báo cáo tài chính quý được soát xét có kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần. - Đính kèm giải trình trong 1 số trường hợp (xem thêm điều 14.4, 14.5 của TT96)	UBCKNN; UBGSTCQG	KTHC	muộn nhất 19/1, 19/4, 19/7, 19/10	Đầu mối CBTT	- 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý (nếu không soát xét); hoặc 5 ngày kể từ ngày kiểm toán ký (nếu soát xét) - Có thể gia hạn thành 30 ngày.	- Gửi file báo cáo ký số qua FMS cho UBCKNN và qua email cho UBGSTCQG; - Công bố trên website Công ty và FMS
II	*Báo cáo bán niên*										
1	Báo cáo tỷ lệ ATTC tại ngày 30/6 được **soát xét** và tại ngày 31/12 đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận	Báo cáo và CBTT	- Điều 22.2 TT96 - Điều 12.1.b TT91 - Điều 29.1.d và 29.2.c TT99	-Thông tư 96/2020/TT-BTC - Thông tư 91/2020/TT-BTC - Thông tư 99/2020/TT-BTC	Phụ lục V hoặc VI, TT91/2020/TT-BTC	UBCKNN; UBGSTCQG	KTHC	muộn nhất 1 ngày trước thời hạn báo cáo (CBTT cùng với thời điểm CBTT báo cáo bán niên)	Đầu mối CBTT	- 05 ngày làm việc, kể từ ngày ký báo cáo soát xét, chậm nhất ngày 13/08 (45 ngày) - Có thể gia hạn nhưng tối đa 60 ngày kể từ ngày kết thúc bán niên nếu được UBCKNN đồng ý.	- Gửi file báo cáo ký số qua FMS cho UBCKNN và qua email cho UBGSTCQG; - Công bố trên website Công ty và FMS đối với báo cáo được soát xét bởi tổ chức kiểm toán; - Gửi bản cứng bộ báo cáo được soát xét bởi tổ chức kiểm toán cho UBCKNN
2	Báo cáo tài chính bán niên được lập bởi Công ty QLQ và báo cáo tài chính bán niên **soát xét** bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận	Báo cáo và CBTT	- Điều 22.1, Điều 14.2 TT96 - Điều 29.1.d và 29.2.c TT99	-Thông tư 96/2020/TT-BTC - Thông tư 99/2020/TT-BTC	1. Toàn văn BCTC soát xét bởi KTĐL 2. Bộ báo cáo bán niên file excel gửi HNX: - CK Bảng tình hình tài chính - CK Báo cáo thu nhập toàn diện - CK BCLCTT, - CK LCTT hoạt động MG, ủy thác 3. Bộ mẫu file excel gửi UBCK: - SCMS-BAOCAOTAICHINH_CTCK Bannien - SCMS-BANG THUYET MINH TAI CHINH Bannien 4. Giải trình theo điều 14.4 TT96 (nếu có)	UBCKNN; UBGSTCQG	KTHC	muộn nhất 1 ngày trước thời hạn báo cáo	Đầu mối CBTT	- 05 ngày làm việc, kể từ ngày ký báo cáo soát xét, chậm nhất ngày 13/08 (45 ngày) - Có thể gia hạn nhưng tối đa 60 ngày kể từ ngày kết thúc bán niên nếu được UBCKNN đồng ý.	
III	*Báo cáo năm*										

1	BCTC năm lập bởi Công ty và BCTC **kiểm toán** bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận	Báo cáo và CBTT	- Điều 22.1, Điều 10.1.b TT96 - Điều 29.1.d và 29.2.d TT99	- Thông tư 96/2020/TT-BTC - Thông tư 99/2020/TT-BTC	1. Toàn văn BCTC soát xét bởi KTĐL 2. Bộ báo cáo năm file excel gửi HNX: - CK Bảng tình hình tài chính - CK Báo cáo thu nhập toàn diện - CK BCLCTT, - CK LCTT hoạt động MG, ủy thác 3. Bộ mẫu file excel gửi UBCK: - SCMS-BAOCAOTAICHINH_CTCK Bannien - SCMS-BANG THUYET MINH TAI CHINH Bannien 4. Giải trình theo điều 14.4 TT96 (nếu có)	UBCKNN; UBGSTCQG	KTHC	muộn nhất 3 ngày trước thời hạn báo cáo	Đầu mối CBTT	- 10 ngày, kể từ ngày ký báo cáo kiểm toán (chậm nhất 30/03 (90 ngày)) - Có thể được gia hạn, không muộn hơn 09/04 (100) nếu được UBCKNN chấp thuận	- Gửi file báo cáo ký số qua FMS cho UBCKNN và qua email cho UBGSTCQG; - Công bố trên website Công ty và FMS đối với báo cáo kiểm toán; - Gửi bản cứng bộ báo cáo kiểm toán cho UBCKNN
2	Báo cáo tỷ lệ ATTC tại ngày 31/12 được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận	Báo cáo và CBTT	- Điều 22.2 TT96 - Điều 12.1.b TT91 - Điều 29.1.đ và 29.2.d TT99	-Thông tư 96/2020/TT-BTC - Thông tư 91/2020/TT-BTC - Thông tư 99/2020/TT-BTC	Báo cáo ATTC soát xét bởi KTĐL Báo cáo ATTC file excel	UBCKNN; UBGSTCQG	KTHC	muộn nhất 3 ngày trước thời hạn báo cáo	Đầu mối CBTT	- 10 ngày, kể từ ngày ký báo cáo kiểm toán (chậm nhất 30/03 (90 ngày)) - Có thể được gia hạn, không muộn hơn 09/04 (100) nếu được UBCKNN chấp thuận	
3	Báo cáo thường niên	Báo cáo và CBTT	Điều 22.1, 14.1, và 10.2	-Thông tư 96/2020/TT-BTC	Phụ lục IV Thông tư 96/2020/TT-BTC		Marketing	muộn nhất 1 ngày trước thời hạn báo cáo	Đầu mối CBTT	Trong vòng 20 ngày kể từ ngày CBTT BCTC kiểm toán năm nhưng không muộn hơn 19/04 (110 ngày)	-Up CIMS, SCMS và gửi bản cứng và bản mềm cho SGDVN, UBCKNN và UBGSTCQG

Ghi chú:

- Các trường hợp ghi số ngày trong ngoặc thì ngày trong ngoặc là số ngày quy định. Do vậy, cần lưu ý đối với các năm nhuận để tính deadline.

- Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán

- Thông tư 99/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 Hướng dẫn thành lập và hoạt động của Công ty quản lý quỹ.

- Thông tư 91/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 Quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng tiêu chí an toàn tài chính

- "Thời hạn nộp" là thời hạn nộp báo cáo lên UBCK, trừ trường hợp khác sẽ được nêu tại Cột Ghi Chú.

- "Thời hạn CBTT" là thời hạn phải công bố thông tin.

- "Báo cáo bản cứng do đơn vị lập báo cáo gửi trực tiếp

PHỤ LỤC 02 - TỔNG HỢP NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN CÔNG TY QLQ (BẤT THƯỜNG)

(Theo Thông tư 96/2020/TT-BTC về Công bố thông tin trên TTCK)

STT	Nội dung	Điều /khoản/mục	Bộ phận gửi thông tin cho người phụ trách CBTT	Thời hạn gửi cho đầu mối CBTT (*)	Bộ phận CBTT	Thời hạn CBTT
1	**Công bố thông tin bất thường (liên quan đến các quyết định của UBCK hoặc cổ đông)**					
	a) Khi nhận được quyết định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán đối với công ty, chi nhánh, người hành nghề chứng khoán của công ty, chi nhánh; Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc) bị tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề chứng khoán có thời hạn, thu hồi chứng chỉ hành nghề chứng khoán;	- Điều 23.1, 23.2 TT96 - Tham khảo điều 23.3 TT96 về giải trình	KTHC/Pháp chế và Kiểm soát tuân thủ/Bộ phận nhận được thông tin	Ngay sau khi nhận được thông tin	Đầu mối CBTT	24 giờ kể từ thời điểm phát sinh sự kiện
	b) Khi nhận được quyết định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc đặt công ty vào diện cảnh báo, kiểm soát, kiểm soát đặc biệt hoặc đưa ra khỏi diện cảnh báo, kiểm soát, kiểm soát đặc biệt; đình chỉ hoạt động, tạm ngừng hoạt động hoặc chấm dứt tình trạng đình chỉ hoạt động, tạm ngừng hoạt động;					
	c) Khi nhận được quyết định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận việc thành lập, đóng cửa, thay đổi tên, địa điểm chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện ở trong nước hoặc nước ngoài; thay đổi nghiệp vụ kinh doanh tại chi nhánh; thành lập công ty con ở nước ngoài; việc đầu tư gián tiếp ra nước ngoài					
	d) Khi nhận được quyết định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về chào bán và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài					
	đ) Khi hoàn tất các giao dịch chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp để trở thành cổ đông, thành viên góp vốn nắm giữ từ 10% trở lên vốn điều lệ đã góp của công ty chứng khoán không phải là công ty đại chúng; các giao dịch làm thay đổi quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp chiếm từ 10% trở lên vốn điều lệ hoặc giao dịch dẫn tới tỷ lệ sở hữu của cổ đông, thành viên góp vốn vượt qua hoặc xuống dưới các mức sở hữu 10%, 25%, 50%, 75% vốn điều lệ của công ty quản lý quỹ không phải là công ty đại chúng;					
2	**Công bố thông tin bất thường (liên quan đến vốn điều lệ, vốn chủ sở hữu, và niêm yết)**					
	a) Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ;	- Điều 23.2, 15.2 TT96 - Tham khảo điều 23.3, TT96 về giải trình	Bộ phận trực tiếp thực hiện/ Bộ phận nhận được thông tin/Thư ký HĐQT	Ngay sau khi nhận được thông tin	Đầu mối CBTT	24 giờ kể từ thời điểm phát sinh sự kiện
	b) Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét;		Đầu tư và Quản lý danh mục/ Bộ phận trực tiếp thực hiện/Bộ phận nhận được thông tin			
	c) Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn);					
	d) Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài		Bộ phận trực tiếp thực hiện/ Bộ phận nhận được thông tin			
3	**Công bố thông tin bất thường (liên quan đến hoạt động khác, tương tự công ty đại chúng) (ĐHĐCĐ/HĐQT...)**					
	a) Tài khoản của công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này;	- Điều 23.2, 15.1, 11.1, TT96 - Tham khảo điều 23.3, TT96 về giải	KTHC	Ngay sau khi nhận được thông tin	Đầu mối CBTT	24 giờ kể từ thời điểm phát sinh sự kiện
	b) Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động;		KTHC/Pháp chế và Kiểm soát tuân thủ/ Bộ phận nhận được thông tin	Ngay khi có quyết định		
	c) Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn;		Văn phòng HĐQT			
	d) Quyết định mua lại cổ phiếu của công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán;		Bộ phận trực tiếp thực hiện/Thư ký HĐQT			
	đ) Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu		Bộ phận trực tiếp thực hiện/Thư ký HĐQT			
	e) Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên công ty, con dấu của công ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ, chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;		KTHC/Bộ phận trực tiếp thực hiện			
	f) Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký;		KTHC	Ngay khi có quyết định thay đổi		
	g) Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua đề tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết;		Đầu tư và Quản lý danh mục/Bộ phận trực tiếp thực hiện/Thư ký HĐQT	Ngay khi có quyết định/ nhận được thông tin chuẩn bị thực hiện giao dịch		
	h) Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của công ty đại chúng;		Văn phòng HĐQT	Ngay khi có quyết định		

	i) Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết. Thời điểm công bố thông tin thực hiện như sau: - Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu, tính từ thời điểm công ty báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán; - Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm công ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ; - Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của công ty hoặc mua lại cổ phiếu lẻ lẻ theo yêu cầu của cổ đông; công ty chứng khoán mua cổ phiếu của chính mình để sửa lỗi giao dịch hoặc mua lại cổ phiếu lẻ lẻ, công ty công bố thông tin trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin.	trình	Bộ phận trực tiếp thực hiện/Văn phòng HĐQT	Ngay sau khi nhận được thông tin		
	k) Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty). Đồng thời, công ty gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này;		KTHC/Ban Trợ lý/ Văn phòng HĐQT	Ngay khi nhận được thông tin, chuẩn bị và gửi hồ sơ trong vòng 24 giờ		
	l) Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét. Trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ thì căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất		Đầu tư và Quản lý danh mục/Bộ phận trực tiếp thực hiện/Văn phòng HĐQT	Ngay khi có quyết định/ nhận được thông tin chuẩn bị thực hiện giao dịch		
	m) Khi nhận được quyết định khởi tố, tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của công ty;		KTHC/Pháp chế và Kiểm soát tuân thủ/Bộ phận nhận được thông tin	Ngay khi nhận được thông tin		
	n) Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế;		KTHC/Pháp chế và Kiểm soát tuân thủ/Bộ phận nhận được thông tin			
	o) Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;		KTHC/Pháp chế và Kiểm soát tuân thủ/Bộ phận nhận được thông tin			
	p) Trường hợp công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính công ty, công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó		Chưa áp dụng			
	q) Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty.		Các bộ phận có liên quan đến sự kiện/Bộ phận nhận được thông tin			
4	**Công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản**					
	a) Việc CBTT về ĐHĐCĐ bất thường thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 10 TT96	Điều 11.3 TT96	Bộ phận trực tiếp thực hiện/ Văn phòng HĐQT	Ngay sau khi gửi giấy mời họp ĐHĐCĐ	Đầu mối CBTT	Chậm nhất 10 ngày trước ngày họp
	b) Trường hợp lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản tối thiểu 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn, công ty đại chúng phải công bố trên trang thông tin điện tử của mình, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết			Ngay khi gửi phiếu lấy ý kiến cho cổ đông		Chậm nhất 10 ngày trước thời hạn gửi lại phiếu lấy ý kiến
5	**CBTT liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu**					
	a) Công ty đại chúng công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này	Điều 11.4 TT96	Bộ phận trực tiếp thực hiện/ Văn phòng HĐQT		Đầu mối CBTT	Chậm nhất 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến
	b) Công ty đại chúng công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến					Chậm nhất 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến
6	**CBTT trong các trường hợp đặc biệt khác như sau:**					
	Sau khi thay đổi kỳ kế toán, công ty đại chúng công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới	Điều 11.6 TT96	KTHC		KSNB	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán
7	**Công bố thông tin theo yêu cầu của UBCKNN, SGDVN khi có thông tin liên quan đến công ty ảnh hưởng lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.**	**- Điều 24, TT96**	**Bộ phận nhận được thông tin**	**Khi có yêu cầu**	**Đầu mối CBTT**	**24 giờ kể từ thời điểm phát sinh sự kiện**
8	**Công bố thông tin khác (do bộ phận nghiệp vụ trực tiếp thực hiện)**					
	a) Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ phải lập trang thông tin điện tử khi chính thức hoạt động. b) Các tổ chức khi lập trang thông tin điện tử phải báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc khi thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này; c) Trang thông tin điện tử phải có các nội dung về ngành, nghề kinh doanh và các nội dung phải thông báo công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và mọi thay đổi liên quan tới các nội dung này; chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông (nhà đầu tư), trong đó phải công bố Điều lệ công ty, Quy chế công bố thông tin, Quy chế nội bộ về quản trị công ty (nếu có), Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (nếu có), Báo cáo bạch (nếu có), các thông tin công bố định kỳ, bất thường, theo yêu cầu và các hoạt động khác quy định tại Thông tư này	- Điều 7.2, TT96	Marketing/ Bộ phận trực tiếp thực hiện			3 ngày làm việc kể từ khi phát sinh thay đổi

	d) Ngoại trừ trường hợp khách hàng ủy thác đứng tên sở hữu, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam cùng khách hàng ủy thác phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định sau: - Thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng cho cổ đông lớn theo quy định tại Điều 31 Thông tư này khi toàn bộ số cổ phiếu thuộc sở hữu của công ty quản lý quỹ và các khách hàng ủy thác hoặc số cổ phiếu thuộc sở hữu của chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam, công ty mẹ của chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam và các khách hàng ủy thác đạt từ 5% trở lên tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty đại chúng hoặc sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng, ngoại trừ khách hàng ủy thác là quỹ ETF; - Thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng cho người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ theo quy định tại Điều 33 Thông tư này khi công ty quản lý quỹ là người có liên quan của người nội bộ theo quy định của pháp luật, ngoại trừ giao dịch hoán đổi và tái cơ cấu danh mục định kỳ theo chỉ số tham chiếu của Quỹ ETF.	- Điều 25, TT96	Đầu tư và Quản lý danh mục		Đầu mối CBTT	Tham khảo Điều 31, TT96 về công bố thông tin của cổ đông lớn, nhà đầu tư sở hữu từ 5% chứng chỉ quỹ trở lên
	d) Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam phải thực hiện nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin liên quan đến giao dịch chứng khoán thay cho khách hàng của mình khi đứng tên sở hữu tài sản ủy thác của khách hàng trong trường hợp khách hàng của mình thuộc đối tượng công bố thông tin. Trường hợp khách hàng đầu tư đứng tên sở hữu tài sản ủy thác, khách hàng có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu, công bố thông tin theo quy định pháp luật.		Đầu tư và Quản lý danh mục		Đầu mối CBTT	
9	**Công bố thông tin về giao dịch cổ phiếu quỹ**					
	a) Trường hợp công ty đại chúng mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, công ty phải thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.	Điều 13.3, TT96	Bộ phận trực tiếp thực hiện/Văn phòng HĐQT		Đầu mối CBTT	
	b) Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.	Điều 13.3, TT96	Bộ phận trực tiếp thực hiện/Văn phòng HĐQT		Đầu mối CBTT	Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu

Ghi chú

- Bộ phận lập báo cáo, gửi thông tin trong danh sách này là các bộ phận có khả năng cao nhất nhận được thông tin. Các bộ phận khác không quy định trong danh sách này khi nhận được thông tin cần CBTT đều có trách nhiệm gửi cho bộ phận đầu mối CBTT hoặc bộ phận lập báo cáo

- Hình thức CBTT bao gồm 2 việc; up phần mềm SCMS của UBCK và gửi cho Marketing để đăng tải trên web của TCC

- Tất cả các sự kiện này đều là sự kiện bất thường, do vậy, cần xem kỹ quy định được dẫn chiếu để xử lý (không chỉ căn cứ vào bảng tổng hợp này).

- Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán

PHỤ LỤC 03 - TỔNG HỢP NỘI DUNG CBTT KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TY QLQ

STT	Nội dung	Điều /khoản/mục	Bộ phận thông báo cho người phụ trách CBTT	Thời hạn gửi cho đầu mối CBTT	Bộ phận CBTT	Thời hạn CBTT	Hình thức CBTT
1	**Thông tư 99/2020/TT-BTC**						
1.1	**Điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động**						
	a) Mở, đóng cửa văn phòng đại diện	Điều 8, TT99	Bộ phận trực tiếp thực hiện/ Bộ phận tiếp nhận thông tin		Đầu mối CBTT	Xem cụ thể quy định	Xem cụ thể quy định
	b) Mở, đóng cửa chi nhánh	Điều 9, TT99				Xem cụ thể quy định	Xem cụ thể quy định
	c) Thay đổi tên công ty, địa điểm đặt trụ sở chính, trụ sở VPDD và người đại diện theo pháp luật	Điều 4 và 7, Điều lệ mẫu TT99				Xem cụ thể quy định	Xem cụ thể quy định
	d) Hợp nhất, sáp nhập	Điều 104,2, Điều lệ mẫu TT99				Xem cụ thể quy định	Xem cụ thể quy định
	d) Tăng, giảm vốn điều lệ	Điều 93.9.d, Điều lệ mẫu TT99				Xem cụ thể quy định	Xem cụ thể quy định
1.2	**Đình chỉ, thu hồi giấy phép hoạt động của Công ty QLQ**						
	a) Tổ chức lại, tạm ngừng hoạt động, đình chỉ hoạt động, thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động	Điều 24,25,26 TT99	Bộ phận trực tiếp thực hiện/ Bộ phận tiếp nhận thông tin		Đầu mối CBTT	Xem cụ thể quy định	Xem cụ thể quy định
	b) Giải thể	Điều 27, TT99				Xem cụ thể quy định	Xem cụ thể quy định
1.3	**Công bố thông tin cho khách hàng ủy thác**						
	Trong hoạt động báo cáo sở hữu, công bố thông tin về giao dịch trên thị trường chứng khoán, công ty quản lý quỹ có trách nhiệm: a) Công ty quản lý quỹ cùng với các khách hàng ủy thác phải tuân thủ các quy định của pháp luật về báo cáo sở hữu và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán áp dụng đối với cổ đông lớn của công ty đại chúng, nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ; b) Nghĩa vụ báo cáo sở hữu, công bố thông tin phát sinh kể từ thời điểm: - Số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ do công ty quản lý quỹ và các khách hàng ủy thác sở hữu đạt từ 5% trở lên tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một công ty đại chúng hoặc đạt từ 5% trở lên tổng số chứng chỉ quỹ của một quỹ đóng, ngoại trừ khách hàng ủy thác là quỹ hoán đổi danh mục; - Công ty quản lý quỹ là người có liên quan của người nội bộ theo quy định của pháp luật, ngoại trừ giao dịch hoán đổi của quỹ hoán đổi danh mục và hoạt động tái cơ cấu danh mục theo định kỳ của chỉ số tham chiếu; - Nghĩa vụ báo cáo sở hữu, công bố thông tin, phương thức, thời điểm công bố thông tin, mẫu báo cáo sở hữu, công bố thông tin thực hiện theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; c) Thực hiện các nghĩa vụ khác về báo cáo sở hữu và công bố thông tin theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Trường hợp khách hàng ủy thác danh mục đầu tư đứng tên chủ sở hữu tài sản ủy thác, khách hàng ủy thác có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu, công bố thông tin theo quy định của pháp luật.	Điều 10,24, TT99	Đầu tư và Quản lý danh mục		Đầu mối CBTT	Xem cụ thể quy định	Xem cụ thể quy định
1.4	**Chấm dứt quyền, nghĩa vụ đối với khách hàng ủy thác và thay thế công ty quản lý quỹ**						
	b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi gửi thông báo, công ty quản lý quỹ thay thế công bố thông tin về việc tiếp nhận bàn giao quản lý tài sản ủy thác trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ, thông báo cho ngân hàng lưu ký, đồng thời các công ty quản lý quỹ thực hiện phương án bàn giao quyền và nghĩa vụ đối với khách hàng ủy thác;	Điều 13.3.a, TT99	Đầu tư và Quản lý danh mục/ Kinh doanh và phát triển đối tác		Đầu mối CBTT	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi gửi thông báo	Bản cứng và điện tử
2	**Thông tư 118/2020/TT-BTC về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng**						
	Giao dịch cổ phiếu quỹ	Điều 9, 10, 11, 12, 13 TT118	Bộ phận trực tiếp thực hiện			Xem cụ thể quy định	Xem cụ thể quy định

Ghi chú:

- Các trường hợp ghi số ngày trong ngoặc thì ngày trong ngoặc là số ngày quy định. Do vậy, cần lưu ý đối với các năm nhuận để tính deadline.

- Thông tư 99/2020/TT-BTC: Hướng dẫn thành lập và hoạt động của Công ty QLQ

- Thông tư 118/2020/TT-BTC về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng

- "Thời hạn nộp" là thời hạn nộp báo cáo lên UBCK, trừ trường hợp khác sẽ được nêu tại Cột Ghi Chú.

- "Thời hạn CBTT" là thời hạn phải công bố thông tin.

- Tất cả các sự kiện này đều là sự kiện bất thường, do vậy, cần xem kỹ quy định được dẫn chiếu để xử lý

PHỤ LỤC 04 - TỔNG HỢP LOẠI VÀ THỜI HẠN CBTT (QUỸ MỞ ĐẠI CHÚNG)

STT	Nội dung	Phân loại	Điều /khoản/mục	Văn bản quy định	Mẫu báo cáo	Bộ phận lập báo cáo	Bp CBTT (*)	Thời hạn CBTT	Hình thức CBTT (CBTT trên web do Marketing thực hiện)				Đối tượng nhận báo cáo qua email/bản cứng
										FMS	Website	Email/ bưu điện	
A	Báo cáo định kỳ												
I	*Báo cáo kỳ định giá*												
-	Báo cáo giá trị tài sản ròng	CBTT/ Báo cáo	Điều 26.1(c) TT96	- Thông tư số 96/2020/ TT-BTC	PL24, TT98	Ngân hàng cung cấp dịch vụ quản trị quỹ/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ	01 ngày làm việc sau ngày định giá		x	x		
II	*Báo cáo tuần*												
	Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng	CBTT/ Báo cáo	Điều 79.2, TT98	- Thông tư số 98/2020/ TT-BTC	PL24, TT98	Ngân hàng cung cấp dịch vụ quản trị quỹ/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ	Hàng tuần, CBTT cùng kỳ giao dịch cuối cùng trong tuần		x	x		
III	*Báo cáo tháng*												
	Báo cáo thu nhập	CBTT/ Báo cáo	Điều 79.2, TT98	- Thông tư số 98/2020/ TT-BTC	PL26, TT98	Ngân hàng cung cấp dịch vụ quản trị quỹ/Bộ phận Kế toán hành chính/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ	- 5 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc tháng (TT96) - 5 ngày kể từ ngày kết thúc tháng (TT98)		x	x		
	Báo cáo tình hình tài chính	CBTT/ Báo cáo	Điều 79.2, TT98	- Thông tư số 98/2020/ TT-BTC	PL26, TT98	Ngân hàng cung cấp dịch vụ quản trị quỹ/Bộ phận Kế toán hành chính/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ			x	x		
	Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ Quỹ mở	CBTT/ Báo cáo	Điều 79.2, TT98	- Thông tư số 98/2020/ TT-BTC	PL26, TT98	Ngân hàng cung cấp dịch vụ quản trị quỹ/Bộ phận Kế toán hành chính/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ			x	x		
	Báo cáo danh mục đầu tư	CBTT/ Báo cáo	Điều 79.2, TT98	- Thông tư số 98/2020/ TT-BTC	PL26, TT98	Ngân hàng cung cấp dịch vụ quản trị quỹ/Bộ phận Kế toán hành chính/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ			x	x		
	Báo cáo hoạt động đầu tư của quỹ (tháng)	CBTT/ Báo cáo	Điều 79.2, TT98	- Thông tư số 98/2020/ TT-BTC	PL26, TT98	Ngân hàng cung cấp dịch vụ quản trị quỹ/Bộ phận Kế toán hành chính/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ			x	x		
	Báo cáo tháng về giao dịch tài sản (hoạt động vay, repo)	CBTT/ Báo cáo	Điều 79.2, TT98	- Thông tư số 98/2020/ TT-BTC	PL26, TT98	Ngân hàng cung cấp dịch vụ quản trị quỹ/Bộ phận Kế toán hành chính/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ			x	x		
	Thống kê giao dịch của nhà đầu tư (tháng)	Báo cáo	Điều 79.1, TT98	- Thông tư số 98/2020/ TT-BTC	PL23, TT98	Ngân hàng cung cấp dịch vụ quản trị quỹ/Bộ phận Kế toán hành chính/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ						Gửi nhà đầu tư
	Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng (tháng)	CBTT/ Báo cáo	Điều 79.2, TT98	- Thông tư số 98/2020/ TT-BTC	PL26, TT98	Ngân hàng cung cấp dịch vụ quản trị quỹ/Bộ phận Kế toán hành chính/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ			x	x		
IV	*Báo cáo quý*												
	Báo cáo thu nhập	CBTT/ Báo cáo	Điều 79.2, TT98	- Thông tư số 98/2020/ TT-BTC	PL26, TT98	Ngân hàng cung cấp dịch vụ quản trị quỹ/Bộ phận Kế toán hành chính/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ	- 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý (nếu không soát xét); hoặc 5 ngày kể từ ngày kiểm toán ký (nếu soát xét) - Có thể gia hạn thành 30 ngày.		x	x		
	Báo cáo tình hình tài chính	CBTT/ Báo cáo	Điều 79.2, TT98	- Thông tư số 98/2020/ TT-BTC	PL26, TT98	Ngân hàng cung cấp dịch vụ quản trị quỹ/Bộ phận Kế toán hành chính/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ			x	x		
	Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ Quỹ mở	CBTT/ Báo cáo	Điều 79.2, TT98	- Thông tư số	PL26, TT98	Ngân hàng cung cấp dịch vụ quản trị quỹ/Bộ phận	Bộ phận Quản trị Quỹ			x	x		

				98/2020/ TT-BTC		Kế toán hành chính/Bộ phận Quản trị Quỹ							
	Báo cáo danh mục đầu tư	CBTT/ Báo cáo	Điều 79.2, TT98	- Thông tư số 98/2020/ TT-BTC	PL26, TT98	Ngân hàng cung cấp dịch vụ quản trị quỹ/Bộ phận Kế toán hành chính/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ			x	x		
	Báo cáo hoạt động đầu tư của quỹ (quý)	CBTT/ Báo cáo	Điều 79.2, TT98	- Thông tư số 98/2020/ TT-BTC	PL26, TT98	Ngân hàng cung cấp dịch vụ quản trị quỹ/Bộ phận Kế toán hành chính/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ			x	x		
	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	CBTT/ Báo cáo	Điều 79.2, TT98	- Thông tư số 98/2020/ TT-BTC	PL26, TT98	Ngân hàng cung cấp dịch vụ quản trị quỹ/Bộ phận Kế toán hành chính/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ			x	x		
	Bản thuyết minh báo cáo tài chính	CBTT/ Báo cáo	Điều 79.2, TT98	- Thông tư số 98/2020/ TT-BTC	PL26, TT98	Ngân hàng cung cấp dịch vụ quản trị quỹ/Bộ phận Kế toán hành chính/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ			x	x		
	Báo cáo tháng về giao dịch tài sản (hoạt động vay, repo)	CBTT/ Báo cáo	Điều 79.2, TT98	Thông tư 183/2011/TT-BTC	PL31, TT183	Ngân hàng cung cấp dịch vụ quản trị quỹ/Bộ phận Kế toán hành chính/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ			x	x		
	Thống kê giao dịch của nhà đầu tư (quý)	Báo cáo	Điều 79.1, TT98	- Thông tư số 98/2020/ TT-BTC	PL23, TT98	Ngân hàng cung cấp dịch vụ quản trị quỹ/Bộ phận Kế toán hành chính/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ						Gửi nhà đầu tư
	Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng (quý)	CBTT/ Báo cáo	Điều 79.2, TT98	- Thông tư số 98/2020/ TT-BTC	PL26, TT98	Ngân hàng cung cấp dịch vụ quản trị quỹ/Bộ phận Kế toán hành chính/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ			x	x		
	Báo cáo công ty quản lý quỹ	CBTT/ Báo cáo	Điều 79.2, TT98	Thông tư 181	PL25 TT98, Thông tư 181	Bộ phận Đầu tư và Quản lý danh mục/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ			x	x		
	Báo cáo của Ngân hàng giám sát	Báo cáo	Điều 80, TT98	Thông tư 181	PL27 TT98, Thông tư 181	Ngân hàng giám sát	Bộ phận Quản trị Quỹ			x			
V	***Báo cáo bán niên***									-	-	-	
	Báo cáo tài chính bán niên soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận	CBTT/ Báo cáo	- Điều 26.1, TT96	- Thông tư số 96/2020/ TT-BTC		Kiểm toán/Ngân hàng cung cấp dịch vụ quản trị quỹ/Bộ phận Kế toán hành chính/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ	- 05 ngày làm việc, kể từ ngày ký báo cáo soát xét, chậm nhất ngày 13/08 (45 ngày) - Có thể được gia hạn đến 28/08 (60)		x	x	x	UBCKNN
	Báo cáo thu nhập	CBTT/ Báo cáo	Điều 79.2, TT98	- Thông tư số 98/2020/ TT-BTC	PL26, TT98	Ngân hàng cung cấp dịch vụ quản trị quỹ/Bộ phận Kế toán hành chính/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ	- 45 ngày kể từ ngày kết thúc 6 tháng gần nhất (TT96)- 30 ngày kể từ ngày kết thúc 6 tháng (TT98)		x	x	-	
	Báo cáo tình hình tài chính	CBTT/ Báo cáo	Điều 79.2, TT98	- Thông tư số 98/2020/ TT-BTC	PL26, TT98	Ngân hàng cung cấp dịch vụ quản trị quỹ/Bộ phận Kế toán hành chính/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ			x	x	-	
	Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ Quỹ mở	CBTT/ Báo cáo	Điều 79.2, TT98	- Thông tư số 98/2020/ TT-BTC	PL26, TT98	Ngân hàng cung cấp dịch vụ quản trị quỹ/Bộ phận Kế toán hành chính/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ			x	x	-	
	Báo cáo danh mục đầu tư	CBTT/ Báo cáo	Điều 79.2, TT98	- Thông tư số 98/2020/ TT-BTC	PL26, TT98	Ngân hàng cung cấp dịch vụ quản trị quỹ/Bộ phận Kế toán hành chính/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ			x	x	-	

	Báo cáo hoạt động đầu tư của quỹ (bán niên)	CBTT/ Báo cáo	Điều 79.2, TT98	- Thông tư số 98/2020/ TT-BTC	PL26, TT98	Ngân hàng cung cấp dịch vụ quản trị quỹ/Bộ phận Kế toán hành chính/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ	- 45 ngày kể từ ngày kết thúc 6 tháng gần nhất (TT96) - 30 ngày kể từ ngày kết thúc 6 tháng (TT98)		x	x	-	
	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	CBTT/ Báo cáo	Điều 79.2, TT98	- Thông tư số 98/2020/ TT-BTC	PL26, TT98	Ngân hàng cung cấp dịch vụ quản trị quỹ/Bộ phận Kế toán hành chính/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ			x	x	-	
	Bản thuyết minh báo cáo tài chính	CBTT/ Báo cáo	Điều 79.2, TT98	- Thông tư số 98/2020/ TT-BTC	PL26, TT98	Ngân hàng cung cấp dịch vụ quản trị quỹ/Bộ phận Kế toán hành chính/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ			x	x	-	
	Báo cáo tháng về giao dịch tài sản (hoạt động vay, repo)	CBTT/ Báo cáo	Điều 79.2, TT98	Thông tư 183/2011/TT-BTC	PL31, TT183	Ngân hàng cung cấp dịch vụ quản trị quỹ/Bộ phận Kế toán hành chính/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ			x	x	-	
	Thống kê giao dịch của nhà đầu tư (bán niên)	Báo cáo	Điều 79.1, TT98	- Thông tư số 98/2020/ TT-BTC	PL23, TT98	Ngân hàng cung cấp dịch vụ quản trị quỹ/Bộ phận Kế toán hành chính/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ					-	Gửi nhà đầu tư
	Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng (bán niên)	CBTT/ Báo cáo	Điều 79.2, TT98	- Thông tư số 98/2020/ TT-BTC	PL26, TT98	Ngân hàng cung cấp dịch vụ quản trị quỹ/Bộ phận Kế toán hành chính/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ			x	x	-	
	Báo cáo công ty quản lý quỹ	CBTT/ Báo cáo	Điều 79.2, TT98	Thông tư 181	PL25 TT98, Thông tư 181	Bộ phận Đầu tư và Quản lý danh mục/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ			x	x	-	
	Báo cáo của Ngân hàng giám sát	Báo cáo	Điều 80, TT98	Thông tư 181	PL27 TT98, Thông tư 181	Ngân hàng giám sát	Bộ phận Quản trị Quỹ			x	x	-	
VI	***Báo cáo năm***												
	BCTC năm kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận	CBTT/ Báo cáo	- Điều 26.1, TT96	- Thông tư số 96/2020/ TT-BTC		Kiểm toán/Ngân hàng cung cấp dịch vụ quản trị quỹ/Bộ phận Kế toán hành chính/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ	- 10 ngày, kể từ ngày ký báo cáo kiểm toán (chậm nhất 30/03 (90 ngày)) - Có thể được gia hạn, không muộn hơn 09/04 (100)		x	x	x	UBCKNN
	Công bố về việc họp ĐHNĐT thường niên	CBTT	- Điều 26.2, TT96	- Thông tư số 96/2020/ TT-BTC		Bộ phận Đầu tư và Quản lý danh mục/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ	10 ngày trước ngày khai mạc, trong vòng 30 ngày từ ngày ký báo cáo kiểm toán		x	x	x	UBCKNN, NHGS, NĐT, BDD
	Công bố biên bản, nghị quyết họp ĐHNĐT thường niên	CBTT	- Điều 26.2, TT96	- Thông tư số 96/2020/ TT-BTC		Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ	Trong vòng 24 giờ		x	x	x	UBCKNN, NHGS, NĐT, BDD
	Báo cáo thống kê về phí giao dịch trong hoạt động đầu tư của Quỹ (năm)	CBTT/ Báo cáo	Điều 79.2, TT98	- Thông tư số 98/2020/ TT-BTC	PL26, TT98	Ngân hàng cung cấp dịch vụ quản trị quỹ/Bộ phận Kế toán hành chính/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ	90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm gần nhất (chậm nhất 30/3) [Xem thêm nội dung cần bổ sung trong báo cáo đối với trường hợp định giá sai giá trị tài sản ròng của Quỹ (Điều 20.9, TT98)		x	x		
	Báo cáo thu nhập	CBTT/ Báo cáo	Điều 79.2, TT98	- Thông tư số 98/2020/ TT-BTC	PL26, TT98	Ngân hàng cung cấp dịch vụ quản trị quỹ/Bộ phận Kế toán hành chính/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ			x	x		
	Báo cáo tình hình tài chính	CBTT/ Báo cáo	Điều 79.2, TT98	- Thông tư số 98/2020/ TT-BTC	PL26, TT98	Ngân hàng cung cấp dịch vụ quản trị quỹ/Bộ phận Kế toán hành chính/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ			x	x		
	Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ Quỹ mở	CBTT/ Báo cáo	Điều 79.2, TT98	- Thông tư số 98/2020/ TT-BTC	PL26, TT98	Ngân hàng cung cấp dịch vụ quản trị quỹ/Bộ phận Kế toán hành chính/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ			x	x		

	Báo cáo danh mục đầu tư	CBTT/ Báo cáo	Điều 79.2, TT98	- Thông tư số 98/2020/ TT-BTC	PL26, TT98	Ngân hàng cung cấp dịch vụ quản trị quỹ/Bộ phận Kế toán hành chính/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ			x	x		
	Báo cáo hoạt động đầu tư của quỹ (bán niên)	CBTT/ Báo cáo	Điều 79.2, TT98	- Thông tư số 98/2020/ TT-BTC	PL26, TT98	Ngân hàng cung cấp dịch vụ quản trị quỹ/Bộ phận Kế toán hành chính/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ			x	x		
	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	CBTT/ Báo cáo	Điều 79.2, TT98	- Thông tư số 98/2020/ TT-BTC	PL26, TT98	Ngân hàng cung cấp dịch vụ quản trị quỹ/Bộ phận Kế toán hành chính/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ			x	x		
	Bản thuyết minh báo cáo tài chính	CBTT/ Báo cáo	Điều 79.2, TT98	- Thông tư số 98/2020/ TT-BTC	PL26, TT98	Ngân hàng cung cấp dịch vụ quản trị quỹ/Bộ phận Kế toán hành chính/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ			x	x		
	Báo cáo tháng về giao dịch tài sản (hoạt động vay, repo)	CBTT/ Báo cáo	Điều 79.2, TT98	Thông tư 183/2011/TT-BTC	PL31, TT183	Ngân hàng cung cấp dịch vụ quản trị quỹ/Bộ phận Kế toán hành chính/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ			x	x		
	Thống kê giao dịch của nhà đầu tư (bán niên)	Báo cáo	Điều 79.1, TT98	- Thông tư số 98/2020/ TT-BTC	PL23, TT98	Ngân hàng cung cấp dịch vụ quản trị quỹ/Bộ phận Kế toán hành chính/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ						Gửi nhà đầu tư
	Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng (bán niên)	CBTT/ Báo cáo	Điều 79.2, TT98	- Thông tư số 98/2020/ TT-BTC	PL26, TT98	Ngân hàng cung cấp dịch vụ quản trị quỹ/Bộ phận Kế toán hành chính/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ			x	x		
	Báo cáo công ty quản lý quỹ	CBTT/ Báo cáo	Điều 79.2, TT98	Thông tư 181/2015/TT-BTC	PL25 TT98, Thông tư 181	Bộ phận Đầu tư và Quản lý danh mục/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ			x	x		
	Báo cáo của Ngân hàng giám sát	Báo cáo	Điều 80, TT98	Thông tư 181	PL27 TT98, Thông tư 181	Ngân hàng giám sát	Bộ phận Quản trị Quỹ			x	x		
B	**Báo cáo bất thường**												
1	Được cấp/ bị thu hồi Giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng;	CBTT	Điều 27 TT96	- Thông tư số 96/2020/ TT-BTC		Bộ phận hoặc Đầu mối chịu trách nhiệm/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ	Trong vòng 24 giờ		x	x		
2	Bị đình chỉ, hủy bỏ đợt chào bán chứng chỉ quỹ; quỹ đại chúng chào bán không thành công;	CBTT				Bộ phận hoặc Đầu mối chịu trách nhiệm/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ	Trong vòng 24 giờ		x	x		
3	Sửa đổi, bổ sung Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch;	CBTT				Bộ phận hoặc Đầu mối chịu trách nhiệm/Bộ phận Đầu tư và Quản lý danh mục/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ	Trong vòng 24 giờ		x	x		
4	Quyết định hợp nhất, sáp nhập, chia tách, giải thể, thay đổi thời hạn hoạt động, thanh lý tài sản của quỹ	CBTT				Bộ phận hoặc Đầu mối chịu trách nhiệm/Bộ phận Đầu tư và Quản lý danh mục/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ	Trong vòng 24 giờ		x	x		
5	Được cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ, Quyết định điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ;	CBTT				Bộ phận hoặc Đầu mối chịu trách nhiệm/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ	Trong vòng 24 giờ		x	x		
6	Công bố về ngày đăng ký cuối cùng, ngày thực hiện quyền cho nhà đầu tư của quỹ;	CBTT				Bộ phận hoặc Đầu mối chịu trách nhiệm/Bộ phận Đầu tư và Quản lý danh mục/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ	Trong vòng 24 giờ		x	x	x	UBCKNN, NHGS, NĐT, BDD, VSDC
7	Định giá sai giá trị tài sản ròng của quỹ đại chúng;	CBTT				Ngân hàng cung cấp dịch vụ quản trị quỹ/Bộ phận Kế toán hành chính/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ	Trong vòng 24 giờ		x	x		UBCKNN, NHGS, NĐT, BDD

8	Thay đổi tên quỹ, thay đổi ngân hàng giám sát, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán	CBTT				Bộ phận hoặc Đầu mối chịu trách nhiệm/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ	Trong vòng 24 giờ		x	x	x	UBCKNN, NHGS, NĐT, BDD
9	Vượt mức các hạn chế đầu tư và điều chỉnh sai lệch của danh mục đầu tư của quỹ đại chúng	CBTT				Bộ phận hoặc Đầu mối chịu trách nhiệm/Bộ phận Đầu tư và Quản lý danh mục/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ	Trong vòng 24 giờ		x	x	x	UBCKNN, NHGS, NĐT
10	Tài khoản của công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này	CBTT				Ngân hàng giám sát/Bộ phận Kế toán hành chính/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ	Trong vòng 24 giờ		x	x		
11	Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu	CBTT				Bộ phận Đầu tư và Quản lý danh mục/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ	Trong vòng 24 giờ		x	x	3 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo (chỉ đăng trên website công ty)	UBCKNN, NHGS, NĐT, BDD
12	Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký	CBTT	Điều 27.1 và Điều 11.1 TT96	- Thông tư số 96/2020/ TT-BTC		Bộ phận Kế toán hành chính	Bộ phận Quản trị Quỹ	Trong vòng 24 giờ		x	x		
13	Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty). Đồng thời, công ty gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 96;	CBTT				Văn phòng HĐQT/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ	Trong vòng 24 giờ kể từ khi có thay đổi, trong vòng 3 ngày phải gửi bản cung cấp thông tin mới		x	x		UBCK
14	Khi có quyết định khởi tố, tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của quỹ đại chúng;	CBTT				Văn phòng HĐQT/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ	Trong vòng 24 giờ	Khi nhận được thông tin	x	x		
15	Khi nhận được bản án, quyết định của Tòa án liên quan đến hoạt động của công ty; kết luận của cơ quan thuế về việc công ty vi phạm pháp luật về thuế;	CBTT				Bộ phận Kế toán hành chính	Bộ phận Quản trị Quỹ	Trong vòng 24 giờ		x	x		
16	Việc công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông bất thường ; Gồm: CBTT trước khi họp và Biên bản+Nghị quyết sau khi họp xong	CBTT	Điều 27.2 và 11.3 TT96	Thông tư số 96/2020/ TT-BTC		Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ	21 ngày trước ngày khai mạc, công bố Biên bản + NQ trong vòng 24 giờ		x	x	x	UBCKNN, NHGS, NĐT, BDD
17	Trường hợp lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản, chậm nhất 21 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, công ty đại chúng phải công bố trên trang thông tin điện tử của mình, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý	CBTT				Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ	21 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến		x	x	x	UBCKNN, NHGS, NĐT, BDD

	kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.												
C	**CBTT theo yêu cầu của UBCK**	-	-	-	-	-	-	-	-				
1	Khi nhận được yêu cầu của UBCK (khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích nhà đầu tư, có thông tin ảnh hưởng lớn tới giá chứng khoán, có thay đổi bất thường về khối lượng giao dịch,…)	CBTT	Điều 12 TT96	Thông tư số 96/2020/ TT-BTC		Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ	Trong 24 giờ		x	x	x	UBCK
D	**CBTT của nhà đầu tư sở hữu >5%**	CBTT	Điều 31 TT96		Không áp dụng với Quỹ mở (chỉ áp dụng với Quỹ đóng)	-	-	Theo mốc khi trở thành /không còn là nhà đầu tư lớn	-				
E	**CBTT của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ quỹ đại chúng**	-	-	-	-	-	-	-					
1	- Báo cáo trước khi thực hiện giao dịch cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch, chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết), công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, chứng chỉ quỹ) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi, quyền mua chứng chỉ quỹ), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác) - Không được đăng ký đồng thời vừa mua, vừa bán. - Nếu vừa là nhà đầu tư lớn, vừa là người nội bộ hoặc người liên quan thì áp dụng CBTT theo quy định đối với người nội bộ	CBTT	Điều 33 TT96	Thông tư số 96/2020/ TT-BTC	PL13, PL14 của TT96	Người nội bộ và người liên quan	Bộ phận Quản trị Quỹ	Trước tối thiểu 03 ngày làm việc và thời gian thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch		x	x		
2	- Báo cáo sau khi hoàn tất giao dịch. - Chỉ đăng ký giao dịch tiếp sau khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước. - Nếu sua khi đăng ký mà không còn là người nội bộ, người có liên quan thì vẫn phải phải báo cáo như bình thường	CBTT	Điều 33 TT96	Thông tư số 96/2020/ TT-BTC	PL15, PL16 của TT96	Người nội bộ và người liên quan	Bộ phận Quản trị Quỹ	Trong vòng 5 ngày làm việc sau khi hoàn tất trước hạn, hoặc hết hạn đăng ký		x	x		

3	Trường hợp công ty chứng khoán là người có liên quan của người nội bộ của tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch hoặc là người có liên quan của người nội bộ của quỹ đại chúng niêm yết, khi thực hiện sửa lỗi giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch hoặc chứng chỉ quỹ niêm yết, công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch hoặc công ty quản lý quỹ trong vòng 24 giờ, kể từ thời điểm hoàn thành giao dịch sửa lỗi.	CBTT	Điều 33 TT96	Thông tư số 96/2020/ TT-BTC		Công ty chứng khoán, Người nội bộ	Bộ phận Quản trị Quỹ	Trong vòng 24 giờ kể từ lúc sửa lỗi xong		x	x		
F	**Báo cáo theo Thông tư 98**	-	-	-	-	-	-	-	-				
1	Công bố thông tin về việc được cấp giấy chào bán chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng	CBTT	Điều 13 TT98	- Thông tư số 98/2020/ TT-BTC	Phụ lục 11 TT98	Bộ phận hoặc Đầu mối chịu trách nhiệm/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ	Trong vòng 24h Trong thời hạn 05 ngày làm việc CBTT thông báo chào bán	- Trên ấn phẩm, website của Cty QLQ, đại lý phân phối, đại lý ký danh - Phương tiện khác.	x	x		UBCKNN
2	Kết thúc chào bán CCQTrường hợp chào bán không thành công thực hiện theo quy định tại Điều 27 và 28 Luật chứng khoán	CBTT	Điều 14 TT98	- Thông tư số 98/2020/ TT-BTC		Bộ phận hoặc Đầu mối chịu trách nhiệm/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ	Trong vòng 24h(cần hoàn thành chào bán trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày được cấp giấy chào bán)		x	x		UBCKNN

Ghi chú:

- Các trường hợp ghi số ngày trong ngoặc thì ngày trong ngoặc là số ngày quy định. Do vậy, cần lưu ý đối với các năm nhuận để tính deadline.

-Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường Chứng khoán;

- Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán

- Thông tư 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục;

- "Thời hạn nộp" là thời hạn nộp báo cáo lên UBCK, trừ trường hợp khác sẽ được nêu tại Cột Ghi Chú.

- "Thời hạn CBTT" là thời hạn phải công bố thông tin.

- "Báo cáo bản cứng do đơn vị lập báo cáo gửi trực tiếp

- Việc báo cáo chỉ liệt kê đối với các trường hợp phải báo cáo UBCK, cơ quan quản lý nhà nước khác và cho nhà đầu tư (không liệt kê đối với các trường hợp cần chấp thuận báo cáo cho Ban đại diện và Đại hội nhà đầu tư

PHỤ LỤC 05 - TỔNG HỢP LOẠI VÀ THỜI HẠN CBTT (QUỸ BẤT ĐỘNG SẢN - NIÊM YẾT)

STT	Nội dung	Thời hạn nộp	Phân loại	Điều /khoản/mục	Văn bản quy định	Mẫu báo cáo	Bộ phận lập báo cáo	Bp CBTT (*)	Thời hạn nộp	Hình thức gửi B/c			Đối tượng nhận báo cáo qua email/bản cứng
										FMS	Website	Email/ bưu điện	
A	**Báo cáo định kỳ**												
I	***Báo cáo tuần***												
	Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng		CBTT/ Báo cáo	Điều 79.2, TT98	- Thông tư số 98/2020/ TT-BTC	PL24, TT98	Ngân hàng cung cấp dịch vụ quản trị Quỹ/Bộ phận Bộ phận Kế toán hành chính/Bộ phận Quản trị Quỹ/	Bộ phận Quản trị Quỹ	01 ngày **làm việc** sau ngày định giá	x	x	x	Sở GDCK
II	***Báo cáo tháng***												
	Báo cáo hoạt động đầu tư tháng	Trước ngày làm việc thứ 5 của tháng tiếp theo	CBTT/ Báo cáo	Điều 79.2, TT98	- Thông tư số 98/2020/ TT-BTC	FMS, PL 26 TT98	Ngân hàng cung cấp dịch vụ quản trị Quỹ/Bộ phận Bộ phận Kế toán hành chính/Bộ phận Quản trị Quỹ/	Bộ phận Quản trị Quỹ	05 ngày **làm việc** kể từ ngày kết thúc tháng	x	x	x	Sở GDCK
III	***Báo cáo quý***												
	Báo cáo tài chính quý	20 ngày kể từ ngày kết thúc quý (nếu không soát xét); hoặc 5 ngày kể từ ngày kiểm toán ký (nếu soát xét)	CBTT/ Báo cáo	Điều 79.2, TT98	- Thông tư số 98/2020/ TT-BTC	PL26, TT98	Ngân hàng cung cấp dịch vụ quản trị Quỹ/Bộ phận Bộ phận Kế toán hành chính/Bộ phận Quản trị Quỹ/	Bộ phận Quản trị Quỹ	- 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý (nếu không soát xét); hoặc 5 ngày kể từ ngày kiểm toán ký (nếu soát xét) - Có thể gia hạn thành 30 ngày.	x	x	x	Sở GDCK
	Báo cáo hoạt động đầu tư hàng quý	*Báo cáo quý ngày 15 tháng tiếp theo (áp dụng cho năm 2016)*	CBTT/ Báo cáo	Điều 79.2, TT98	- Thông tư số 98/2020/ TT-BTC	PL26, TT98	Ngân hàng cung cấp dịch vụ quản trị Quỹ/Bộ phận Bộ phận Kế toán hành chính/Bộ phận Quản trị Quỹ/	Bộ phận Quản trị Quỹ		x	x	x	Sở GDCK
	Báo cáo công ty quản lý quỹ		CBTT/ Báo cáo	Điều 79.2, TT98	Thông tư 181	PL25 TT98, Thông tư 181	Bộ phận Đầu tư và quản lý Danh mục/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ		x	x	x	Sở GDCK
	Báo cáo tài chính Quỹ		CBTT/ Báo cáo		Quyết định 63	Form B01 đến B06	Ngân hàng cung cấp dịch vụ quản trị Quỹ/Bộ phận Bộ phận Kế toán hành chính/Bộ phận Quản trị Quỹ/	Bộ phận Quản trị Quỹ		x	x	x	Sở GDCK
	Báo cáo của Ngân hàng giám sát		Báo cáo	Điều 80, TT98	Thông tư 181	PL27 TT98, Thông tư 181	Ngân hàng giám sát	Bộ phận Quản trị Quỹ			x		
IV	***Báo cáo bán niên***												
	Báo cáo tài chính bán niên		CBTT/ Báo cáo	Điều 79.2, TT98	- Thông tư số 98/2020/ TT-BTC	PL26, TT98	Ngân hàng cung cấp dịch vụ quản trị Quỹ/Bộ phận Bộ phận Kế toán hành chính/Bộ phận Quản trị Quỹ/	Bộ phận Quản trị Quỹ	45 ngày kể từ ngày kết thúc 6 tháng gần nhất	x	x	x	Sở GDCK
	Báo cáo hoạt động đầu tư bán niên		CBTT/ Báo cáo	Điều 79.2, TT98	- Thông tư số 98/2020/ TT-BTC	PL26, TT98	Ngân hàng cung cấp dịch vụ quản trị Quỹ/Bộ phận Bộ phận Kế toán hành chính/Bộ phận Quản trị Quỹ/	Bộ phận Quản trị Quỹ		x	x	x	Sở GDCK
	Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý quỹ bán niên	05 ngày làm việc, kể từ ngày ký báo cáo soát xét, chậm nhất ngày 13/08 (45 ngày)	CBTT/Báo cáo	Điều 79.2, TT98	Thông tư 181	PL25 TT98, Thông tư 181	Bộ phận Đầu tư và quản lý Danh mục/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ		x	x	x	Sở GDCK
	Báo cáo tài chính Quỹ		CBTT/ Báo cáo		Quyết định 63	Form B01 đến B06	Ngân hàng cung cấp dịch vụ quản trị Quỹ/Bộ phận Bộ phận Kế toán hành chính/Bộ phận Quản trị Quỹ/	Bộ phận Quản trị Quỹ				x	Sở GDCK

	Báo cáo Ngân hàng giám sát		Báo cáo	Điều 80, TT98	Thông tư 181	PL27 TT98, Thông tư 181	Ngân hàng giám sát	Bộ phận Quản trị Quỹ			x		
	Báo cáo tài chính bán niên soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận	05 ngày làm việc, kể từ ngày ký báo cáo soát xét, chậm nhất ngày 13/08 (45 ngày)	CBTT/ Báo cáo	- Điều 26.1, TT96	- Thông tư số 96/2020/ TT-BTC		Ngân hàng cung cấp dịch vụ quản trị Quỹ/Bộ phận Bộ phận Kế toán hành chính/Bộ phận Quản trị Quỹ/	Kế toán hành chính/Bộ phận Quản trị Quỹ	- 05 ngày làm việc, kể từ ngày ký báo cáo soát xét, chậm nhất ngày 13/08 (45 ngày) - Có thể được gia hạn đến 28/08 (60)	x	x	x	UBCK, Sở GDCK
V	***Báo cáo năm***												
	BCTC năm kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận	10 ngày, kể từ ngày ký báo cáo kiểm toán (chậm nhất 30/03 (90 ngày)	CBTT/ Báo cáo	- Điều 26.1, TT96	- Thông tư số 96/2020/ TT-BTC		Ngân hàng cung cấp dịch vụ quản trị Quỹ/Bộ phận Bộ phận Kế toán hành chính/Bộ phận Quản trị Quỹ/	Kế toán hành chính/Bộ phận Quản trị Quỹ	- 10 ngày, kể từ ngày ký báo cáo kiểm toán (chậm nhất 30/03 (90 ngày)) - Có thể được gia hạn, không muộn hơn 09/04 (100)	x	x	x	UBCK, Sở GDCK
	Công bố về việc họp ĐHNĐT thường niên		CBTT	- Điều 26.2, TT96	- Thông tư số 96/2020/ TT-BTC		Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ	10 ngày trước ngày khai mạc., tròng vòng 30 ngày từ ngày ký báo cáo kiểm toán	x	x	x	UBCKNN, NHGS, NĐT, BDD, Sở GDCK
	Công bố biên bản, nghị quyết họp ĐHNĐT thường niên		CBTT	- Điều 26.2, TT96	- Thông tư số 96/2020/ TT-BTC		Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ	Trong vòng 24 giờ	x	x	x	UBCKNN, NHGS, NĐT, BDD, Sở GDCK
	Báo cáo tài chính năm		CBTT/ Báo cáo	Điều 79.2, TT98	- Thông tư số 98/2020/ TT-BTC	PL26, TT98	Ngân hàng cung cấp dịch vụ quản trị Quỹ/Bộ phận Bộ phận Kế toán hành chính/Bộ phận Quản trị Quỹ/	Bộ phận Quản trị Quỹ	90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm gần nhất (chậm nhất 30/3)	x	x	x	Sở GDCK
	Báo cáo hoạt động đầu tư năm		CBTT/ Báo cáo	Điều 79.2, TT98	- Thông tư số 98/2020/ TT-BTC	PL26, TT98	Ngân hàng cung cấp dịch vụ quản trị Quỹ/Bộ phận Bộ phận Kế toán hành chính/Bộ phận Quản trị Quỹ/	Bộ phận Quản trị Quỹ		x	x	x	Sở GDCK
	Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý quỹ năm	Trong vòng 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm gần nhất	CBTT/ Báo cáo	Điều 79.2, TT98	Thông tư 181	PL25 TT98, Thông tư 181	Bộ phận Đầu tư và quản lý Danh mục/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ		x	x	x	Sở GDCK
	Báo cáo tài chính Quỹ		CBTT/ Báo cáo		Quyết định 63	Form B01 đến B06	Ngân hàng cung cấp dịch vụ quản trị Quỹ/Bộ phận Bộ phận Kế toán hành chính/Bộ phận Quản trị Quỹ/	Bộ phận Quản trị Quỹ		x	x	x	Sở GDCK
	Báo cáo Ngân hàng giám sát			Điều 80, TT98	Thông tư 181	PL27 TT98, Thông tư 181	NHGS	Bộ phận Quản trị Quỹ			x		
B	**Báo cáo bất thường**												
1	Được cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng;		CBTT	Điều 27 TT96	- Thông tư số 96/2020/ TT-BTC		Bộ phận hoặc Đầu mối chịu trách nhiệm/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ	Trong vòng 24 giờ	x	x		Sở GDCK
2	Bị đình chỉ, hủy bỏ đợt chào bán chứng chỉ quỹ; quỹ đại chúng chào bán không thành công;		CBTT				Bộ phận hoặc Đầu mối chịu trách nhiệm/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ	Trong vòng 24 giờ	x	x		Sở GDCK
3	Sửa đổi, bổ sung Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch;		CBTT				Bộ phận hoặc Đầu mối chịu trách nhiệm/Bộ phận Đầu tư và quản lý Danh mục/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ	Trong vòng 24 giờ	x	x		Sở GDCK

4	Quyết định hợp nhất, sáp nhập, chia tách, giải thể, thay đổi thời hạn hoạt động, thanh lý tài sản của quỹ		CBTT				Bộ phận hoặc Đầu mối chịu trách nhiệm/Bộ phận Đầu tư và quản lý Danh mục/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ	Trong vòng 24 giờ	x	x		Sở GDCK
5	Được cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ, Quyết định điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ;		CBTT				Bộ phận hoặc Đầu mối chịu trách nhiệm/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ	Trong vòng 24 giờ	x	x		Sở GDCK
6	Công bố về ngày đăng ký cuối cùng, ngày thực hiện quyền cho nhà đầu tư của quỹ;	28/2 (60 ngày)	CBTT				Bộ phận hoặc Đầu mối chịu trách nhiệm/Bộ phận Đầu tư và quản lý Danh mục/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ	Trong vòng 24 giờ	x	x	x	UBCKNN, NHGS, NĐT, BDD, VSDC, Sở GDCK
7	Định giá sai giá trị tài sản ròng của quỹ đại chúng;		CBTT				Ngân hàng cung cấp dịch vụ quản trị quỹ/Bộ phận Kế toán hành chính/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ	Trong vòng 24 giờ	x	x		UBCKNN, NHGS, NĐT, BDD, Sở GDCK
8	Thay đổi tên quỹ, thay đổi ngân hàng giám sát, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;	Trước 31/1	CBTT				Bộ phận hoặc Đầu mối chịu trách nhiệm/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ	Trong vòng 24 giờ	x	x	x	UBCKNN, NHGS, NĐT, BDD, Sở GDCK
9	Vượt mức các hạn chế đầu tư và điều chỉnh sai lệch của danh mục đầu tư của quỹ đại chúng		CBTT				Bộ phận hoặc Đầu mối chịu trách nhiệm/Bộ phận Đầu tư và quản lý Danh mục/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ	Trong vòng 24 giờ	x	x	x	UBCKNN, NHGS, NĐT, BDD, Sở GDCK
10	Tài khoản của công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này		CBTT				Ngân hàng giám sát/Bộ phận Kế toán hành chính/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ	Trong vòng 24 giờ	x	x		
11	Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu		CBTT				Bộ phận Đầu tư và quản lý Danh mục/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ	Trong vòng 24 giờ	x	x	3 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo (chỉ đăng trên website công ty)	UBCKNN, NHGS, NĐT, BDD, Sở GDCK
12	Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký	Trước 31/1	CBTT	Điều 27 và Điều 11.1 TT96	- Thông tư số 96/2020/ TT-BTC		Bộ phận Kế toán hành chính	Bộ phận Quản trị Quỹ	Trong vòng 24 giờ	x	x		
13	Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty). Đồng thời, công ty gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 96;		CBTT				Văn phòng HĐQT/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ	Trong vòng 24 giờ kể từ khi có thay đổi, trong vòng 3 ngày phải gửi bản cung cấp thông tin mới	x	x		UBCK, Sở GDCK
14	Khi có quyết định khởi tố, tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của quỹ đại chúng;	Trước 31/3	CBTT				Văn phòng HĐQT/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ	Trong vòng 24 giờ Khi nhận được thông tin	x	x		
15	Khi nhận được bản án, quyết định của Tòa án liên quan đến hoạt động của công ty; kết luận của cơ quan thuế về việc công ty vi phạm pháp luật về thuế;	Trước 31/3	CBTT				Bộ phận Kế toán hành chính	Bộ phận Quản trị Quỹ	Trong vòng 24 giờ	x	x		
16	Việc công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông bất thường ; Gồm: CBTT trước khi họp và Biên bản+Nghị quyết sau khi họp xong		CBTT	Điều 27.2 và 11.3 TT96	Thông tư số 96/2020/ TT-BTC		Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ	21 ngày trước ngày khai mạc, công bố Biên bản + NQ trong vòng 24 giờ	x	x	x	UBCKNN, NHGS, NĐT, BDD, Sở GDCK

17	Trường hợp lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản, chậm nhất 21 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, công ty đại chúng phải công bố trên trang thông tin điện tử của mình, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.		CBTT				Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ	21 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến	x	x	x	UBCKNN, NHGS, NĐT, BDD, Sở GDCK
C	**CBTT theo yêu cầu của UBCK**	-	-	-	-	-	-	-	-				
1	Khi nhận được yêu cầu của UBCK (khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích nhà đầu tư, có thông tin ảnh hưởng lớn tới giá chứng khoán, có thay đổi bất thường về khối lượng giao dịch,…)		CBTT/Báo cáo	Điều 12 TT96	Thông tư số 96/2020/TT-BTC		Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ	Trong 24 giờ	x	x	x	UBCKNN
D	**CBTT của nhà đầu tư, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng**	-		Điều 31 TT96			-	-	Theo mốc khi trở thành /không còn là nhà đầu tư lớn				
1	Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn của công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng phải công bố thông tin và báo cáo về giao dịch cho công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch) theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư 96 trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.		CBTT			PL07, TT96	Cổ đông, Nhà Đầu tư	Bộ phận Quản trị Quỹ	Trong vòng 7 ngày kể từ ngày trở thành hoặc không còn là nhà đầu tư lớn	x	x	x	UBCKNN, Sở GDCK
2	Cổ đông lớn của công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết phải công bố thông tin và báo cáo cho công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch) trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi trên theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư 98.		CBTT			PL08, TT96	Cổ đông, Nhà Đầu tư	Bộ phận Quản trị Quỹ		x	x	x	UBCKNN, Sở GDCK
E	**CBTT của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ quỹ đại chúng**	-		-	-	-	-	-	-				
1	- Báo cáo trước khi thực hiện giao dịch cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch, chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết), công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, chứng chỉ quỹ) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi, quyền mua chứng chỉ quỹ), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác) - Không được đăng ký đồng thời vừa mua, vừa bán. - Nếu vừa là nhà đầu tư lớn, vừa là người nội bộ hoặc người liên quan thì áp dụng CBTT theo quy định đối với người nội bộ		CBTT	Điều 33 TT96	Thông tư số 96/2020/TT-BTC	PL13, PL14 của TT96	Người nội bộ và người liên quan	Bộ phận Quản trị Quỹ	Trước tối thiểu 03 ngày làm việc và thời gian thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch	x	x		UBCKNN, Sở GDCK

2	- Báo cáo sau khi hoàn tất giao dịch. - Chỉ đăng ký giao dịch tiếp sau khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước. - Nếu sua khi đăng ký mà không còn là người nội bộ, người có liên quan thì vẫn phải phải báo cáo như bình thường		CBTT	Điều 33 TT96	Thông tư số 96/2020/ TT-BTC	PL15, PL16 của TT96	Người nội bộ và người liên quan	Bộ phận Quản trị Quỹ	Trong vòng 5 ngày làm việc sau khi hoàn tất trước hạn, hoặc hết hạn đăng ký	x	x		UBCKNN, Sở GDCK
3	Trường hợp công ty chứng khoán là người có liên quan của người nội bộ của tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch hoặc là người có liên quan của người nội bộ của quỹ đại chúng niêm yết, khi thực hiện sửa lỗi giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch hoặc chứng chỉ quỹ niêm yết, công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch hoặc công ty quản lý quỹ trong vòng 24 giờ, kể từ thời điểm hoàn thành giao dịch sửa lỗi.		CBTT	Điều 33 TT96	Thông tư số 96/2020/ TT-BTC		Công ty chứng khoán, người nội bộ	Bộ phận Quản trị Quỹ	Trong vòng 24 giờ kể từ lúc sửa lỗi xong	x	x		UBCKNN, Sở GDCK

Ghi chú:

- Các trường hợp ghi số ngày trong ngoặc thì ngày trong ngoặc là số ngày quy định. Do vậy, cần lưu ý đối với các năm nhuận để tính deadline.

-Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường Chứng khoán;

- Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán

-Thông tư 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục;

- "Thời hạn nộp" là thời hạn nộp báo cáo lên UBCK, trừ trường hợp khác sẽ được nêu tại Cột Ghi Chú.

- "Thời hạn CBTT" là thời hạn phải công bố thông tin.

- "Báo cáo bản cứng do đơn vị lập báo cáo gửi trực tiếp

- Quỹ đầu tư bất động sản được xếp vào loại hình quỹ đóng (căn cứ theo định nghĩa tại Luật Chứng khoán) nên áp dụng luôn quy định của quỹ đóng

PHỤ LỤC 06 - TỔNG HỢP LOẠI VÀ THỜI HẠN CBTT (QUỸ HOÁN ĐỔI DANH MỤC - NIÊM YẾT)

STT	Nội dung	Thời hạn nộp	Phân loại	Điều /khoản/mục	Văn bản quy định	Mẫu báo cáo	Bộ phận lập báo cáo	Bp CBTT (*)	Thời hạn nộp	Hình thức gửi B/c			Đối tượng nhận báo cáo qua email/bản cứng
										FMS	Website	Email/ bưu điện	
A	**Báo cáo định kỳ**												
I	***Báo cáo kỳ định giá***												
-	Danh mục chứng khoán cơ cấu		CBTT	Điều 43.3 a TT98 Điều 19.4 Quy chế CBTT	- Thông tư số 98/2020/TT-BTC	CBTT/SGDVN - Phụ lục IX Quy chế CBTT	Bộ phận Đầu tư và Quản lý Danh mục/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ	Trước 18h30 ngày định giá	x	x		VSDC, Sở GDCK
-	Thông báo kết thúc phiên giao dịch hoán đổi hàng ngày		CBTT	Điều 49.1 TT98	- Thông tư số 98/2020/TT-BTC		Bộ phận Quản trị Quỹ		Trước 18h30 ngày định giá	x	x		Sở GDCK
-	Báo cáo giá trị tài sản ròng (mẫu kỳ giao dịch)		CBTT/Báo cáo	Điều 79.2, TT98	- Thông tư số 98/2020/TT-BTC	PL24, TT98	Ngân hàng cung cấp dịch vụ quản trị Quỹ/Bộ phận Bộ phận Kế toán hành chính/Bộ phận Quản trị Quỹ/	Bộ phận Quản trị Quỹ	Trước 18h30 ngày định giá	x	x		Sở GDCK
II	***Báo cáo tuần***												
	Báo cáo mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu (Tracking error)		CBTT	Điều 49.2 TT98 Điều 19.2 Quy chế CBTT	- Thông tư số 98/2020/TT-BTC	CBTT/SGDVB- Phụ lục III Quy chế CBTT	Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ	ngày làm việc đầu tiên của tuần tiếp theo	x	x		Sở GDCK
	Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng (mẫu tuần)		CBTT/Báo cáo	Điều 26.1c TT96	- Thông tư số 96/2020/TT-BTC	PL24, TT98	Ngân hàng cung cấp dịch vụ quản trị Quỹ/Bộ phận Bộ phận Kế toán hành chính/Bộ phận Quản trị Quỹ/	Bộ phận Quản trị Quỹ	Hàng tuần, CBTT cùng kỳ giao dịch cuối cùng trong tuần	x	x		
III	***Báo cáo tháng***												
	Báo cáo hoạt động đầu tư tháng	Trước ngày làm việc thứ 5 của tháng tiếp theo	CBTT/Báo cáo	Điều 26.1.c, TT96	- Thông tư số 96/2020/TT-BTC	FMS; Phụ lục XXVI Thông tư 98; Mẫu B01, B02, B03 Thông tư 181 chế độ kế toán quỹ ETF	Ngân hàng cung cấp dịch vụ quản trị Quỹ/Bộ phận Bộ phận Kế toán hành chính/Bộ phận Quản trị Quỹ/	Bộ phận Quản trị Quỹ	05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc tháng	x	x	x	Sở GDCK
IV	***Báo cáo quý***												
	Báo cáo tài chính quý Báo cáo hoạt động đầu tư hàng quý	20 ngày kể từ ngày kết thúc quý (nếu không soát xét); hoặc 5 ngày kể từ ngày kiểm toán ký (nếu soát xét)	CBTT/Báo cáo	Điều 79.2, TT98	- Thông tư số 98/2020/TT-BTC	- Mẫu B01, B02, B03, B05, B06 quy định tại TT 181 - Phụ lục XXVI TT 98	Ngân hàng cung cấp dịch vụ quản trị Quỹ/Bộ phận Bộ phận Kế toán hành chính/Bộ phận Quản trị Quỹ/	Bộ phận Quản trị Quỹ	- 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý (nếu không soát xét); hoặc 5 ngày kể từ ngày kiểm toán ký (nếu soát xét) - Có thể gia hạn thành 30 ngày.	x	x	x	Sở GDCK
	Danh mục đầu tư của quỹ ETF theo quy định tại Điều lệ quỹ		CBTT/Báo cáo	Điều 49.3, TT98	- Thông tư số 98/2020/TT-BTC		Ngân hàng cung cấp dịch vụ quản trị Quỹ/Bộ phận Bộ phận Kế toán hành chính/Bộ phận Quản trị Quỹ/	Bộ phận Quản trị Quỹ		x	x	x	Sở GDCK
	Báo cáo công ty quản lý quỹ		CBTT/Báo cáo	Điều 79.2, TT98	Thông tư 181	PL25 TT98, Thông tư 181	Bộ phận Đầu tư và Quản lý Danh mục/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ		x	x	x	Sở GDCK
	Báo cáo tài chính Quỹ		CBTT/Báo cáo		Quyết định 63	Form B01 đến B06	Ngân hàng cung cấp dịch vụ quản trị Quỹ/Bộ phận Bộ phận Kế toán hành chính/Bộ phận Quản trị Quỹ/	Bộ phận Quản trị Quỹ		x	x	x	Sở GDCK
	Báo cáo của Ngân hàng giám sát		Báo cáo	Điều 80, TT98	Thông tư 181	PL27 TT98, Thông tư 181	Ngân hàng giám sát	Bộ phận Quản trị Quỹ			x		
V	***Báo cáo bán niên***												
	Báo cáo tài chính bán niên		CBTT/Báo cáo	Điều 79.2, TT98	- Thông tư số 98/2020/TT-BTC	PL26, TT98	Ngân hàng cung cấp dịch vụ quản trị Quỹ/Bộ phận Bộ phận Kế toán hành chính/Bộ phận Quản trị Quỹ/	Bộ phận Quản trị Quỹ	45 ngày kể từ ngày kết thúc 6 tháng gần nhất	x	x	x	Sở GDCK

	Báo cáo hoạt động đầu tư bán niên		CBTT/Báo cáo	Điều 79.2, TT98	- Thông tư số 98/2020/TT-BTC	PL26, TT98	Ngân hàng cung cấp dịch vụ quản trị Quỹ/Bộ phận Bộ phận Kế toán hành chính/Bộ phận Quản trị Quỹ/	Bộ phận Quản trị Quỹ		x	x	x	Sở GDCK
	Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý quỹ bán niên	05 ngày làm việc, kể từ ngày ký báo cáo soát xét, chậm nhất ngày 13/08 (45 ngày)	CBTT/Báo cáo	Điều 79.2, TT98	Thông tư 181	PL25 TT98, Thông tư 181	Bộ phận Đầu tư và Quản lý Danh mục/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ		x	x	x	Sở GDCK
	Báo cáo tài chính Quỹ		CBTT/Báo cáo		Quyết định 63	Form B01 đến B06	Ngân hàng cung cấp dịch vụ quản trị Quỹ/Bộ phận Bộ phận Kế toán hành chính/Bộ phận Quản trị Quỹ/	Bộ phận Quản trị Quỹ				x	Sở GDCK
	Báo cáo Ngân hàng giám sát		Báo cáo	Điều 80, TT98	Thông tư 181	PL27 TT98, Thông tư 181	Ngân hàng giám sát	Bộ phận Quản trị Quỹ			x		
	Thông tin về hiệu quả hoạt động của quỹ ETF so với chỉ số tham chiếu (nếu có); thông tin về các hoạt động phân phối lợi nhuận (nếu có)		Báo cáo	Điều 49.4 TT98	- Thông tư số 98/2020/TT-BTC	Phụ lục 26 TT98	Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ		x	x	x	HSX
	Tỷ lệ tổng chi phí quỹ ETF trên giá trị tài sản ròng trung bình của quỹ		Báo cáo	Điều 49.4 TT98	- Thông tư số 98/2020/TT-BTC		Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ		x	x	x	HSX
	Báo cáo tài chính bán niên soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận	05 ngày làm việc, kể từ ngày ký báo cáo soát xét, chậm nhất ngày 13/08 (45 ngày)	CBTT/Báo cáo	- Điều 26.1, TT96	- Thông tư số 96/2020/TT-BTC		Ngân hàng cung cấp dịch vụ quản trị Quỹ/Bộ phận Bộ phận Kế toán hành chính/Bộ phận Quản trị Quỹ/	Kế toán hành chính/Bộ phận Quản trị Quỹ	- 05 ngày làm việc, kể từ ngày ký báo cáo soát xét, chậm nhất ngày 13/08 (45 ngày) - Có thể được gia hạn đến 28/08 (60)	x	x	x	UBCKNN, Sở GDCK
VI	*Báo cáo năm*												
	BCTC năm kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận	10 ngày, kể từ ngày ký báo cáo kiểm toán (chậm nhất 30/03 (90 ngày)	CBTT/Báo cáo	- Điều 26.1, TT96	- Thông tư số 96/2020/TT-BTC		Ngân hàng cung cấp dịch vụ quản trị Quỹ/Bộ phận Bộ phận Kế toán hành chính/Bộ phận Quản trị Quỹ/	Kế toán hành chính/Bộ phận Quản trị Quỹ	- 10 ngày, kể từ ngày ký báo cáo kiểm toán (chậm nhất 30/03 (90 ngày)) - Có thể được gia hạn, không muộn hơn 09/04 (100)	x	x	x	UBCKNN, Sở GDCK
	Công bố về việc họp ĐHNĐT thường niên		CBTT	- Điều 26.2, TT96	- Thông tư số 96/2020/TT-BTC		Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ	10 ngày trước ngày khai mạc., trong vòng 30 ngày từ ngày ký báo cáo kiểm toán	x	x	x	UBCKNN, NHGS, NĐT, BDD, Sở GDCK
	Công bố biên bản, nghị quyết họp ĐHNĐT thường niên		CBTT	- Điều 26.2, TT96	- Thông tư số 96/2020/TT-BTC		Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ	Trong vòng 24 giờ	x	x	x	UBCKNN, NHGS, NĐT, BDD, Sở GDCK
	Báo cáo tài chính năm		CBTT/Báo cáo	Điều 79.2, TT98	- Thông tư số 98/2020/TT-BTC	PL26, TT98	Ngân hàng cung cấp dịch vụ quản trị Quỹ/Bộ phận Bộ phận Kế toán hành chính/Bộ phận Quản trị Quỹ/	Bộ phận Quản trị Quỹ	90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm gần nhất (chậm nhất 30/3)	x	x	x	Sở GDCK
	Báo cáo hoạt động đầu tư năm		CBTT/Báo cáo	Điều 79.2, TT98	- Thông tư số 98/2020/TT-BTC	PL26, TT98	Ngân hàng cung cấp dịch vụ quản trị Quỹ/Bộ phận Bộ phận Kế toán hành chính/Bộ phận Quản trị Quỹ/	Bộ phận Quản trị Quỹ		x	x	x	Sở GDCK

	Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý quỹ năm	Trong vòng 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm gần nhất	CBTT/Báo cáo	Điều 79.2, TT98	Thông tư 181	PL25 TT98, Thông tư 181	Bộ phận Đầu tư và Quản lý Danh mục/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ		x	x	x	Sở GDCK
	Báo cáo tài chính Quỹ		CBTT/Báo cáo		Quyết định 63	Form B01 đến B06	Ngân hàng cung cấp dịch vụ quản trị Quỹ/Bộ phận Bộ phận Kế toán hành chính/Bộ phận Quản trị Quỹ/	Bộ phận Quản trị Quỹ		x	x	x	Sở GDCK
	Báo cáo Ngân hàng giám sát			Điều 80, TT98	Thông tư 181	PL27 TT98, Thông tư 181	NHGS	Bộ phận Quản trị Quỹ			x		
	Thông tin về hiệu quả hoạt động của quỹ ETF so với chỉ số tham chiếu (nếu có); thông tin về các hoạt động phân phối lợi nhuận (nếu có)		Báo cáo	Điều 49.4 TT98	- Thông tư số 98/2020/TT-BTC	Phụ lục 26 TT98	Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ		x	x	x	HSX
	Tỷ lệ tổng chi phí quỹ ETF trên giá trị tài sản ròng trung bình của quỹ		Báo cáo	Điều 49.4 TT98	- Thông tư số 98/2020/TT-BTC		Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ		x	x	x	HSX
B	**Báo cáo bất thường**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
1	Được cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng;		CBTT	Điều 27 TT96	- Thông tư số 96/2020/TT-BTC		Bộ phận hoặc Đầu mối chịu trách nhiệm/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ	Trong vòng 24 giờ	x	x		
2	Bị đình chỉ, hủy bỏ đợt chào bán chứng chỉ quỹ; quỹ đại chúng chào bán không thành công;		CBTT				Bộ phận hoặc Đầu mối chịu trách nhiệm/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ	Trong vòng 24 giờ	x	x		
3	Sửa đổi, bổ sung Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch;		CBTT				Bộ phận hoặc Đầu mối chịu trách nhiệm/Bộ phận Đầu tư và Quản lý Danh mục/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ	Trong vòng 24 giờ	x	x		
4	Quyết định hợp nhất, sáp nhập, chia tách, giải thể, thay đổi thời hạn hoạt động, thanh lý tài sản của quỹ		CBTT				Bộ phận hoặc Đầu mối chịu trách nhiệm/Bộ phận Đầu tư và Quản lý Danh mục/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ	Trong vòng 24 giờ	x	x		
5	Được cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ, Quyết định điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ;		CBTT				Bộ phận hoặc Đầu mối chịu trách nhiệm/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ	Trong vòng 24 giờ	x	x		
6	Công bố về ngày đăng ký cuối cùng, ngày thực hiện quyền cho nhà đầu tư của quỹ;		CBTT				Bộ phận hoặc Đầu mối chịu trách nhiệm/Bộ phận Đầu tư và Quản lý Danh mục/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ	Trong vòng 24 giờ	x	x	x	UBCKNN, NHGS, NĐT, BDD, VSDC, Sở GDCK
7	Định giá sai giá trị tài sản ròng của quỹ đại chúng;		CBTT				Ngân hàng cung cấp dịch vụ quản trị quỹ/Bộ phận Kế toán hành chính/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ	Trong vòng 24 giờ	x	x		UBCKNN, NHGS, NĐT, BDD, VSDC, Sở GDCK
8	Thay đổi ngân hàng giám sát, công ty quản lý quỹ; thay đổi thành viên lập quỹ, tổ chức tạo lập thị trường;		CBTT				Bộ phận hoặc Đầu mối chịu trách nhiệm/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ	Trong vòng 24 giờ	x	x	x	UBCKNN, NHGS, NĐT, BDD, VSDC, Sở GDCK
9	Vượt mức các hạn chế đầu tư và điều chỉnh sai lệch của danh mục đầu tư của quỹ đại chúng		CBTT				Bộ phận hoặc Đầu mối chịu trách nhiệm/Bộ phận Đầu tư và Quản lý Danh mục/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ	Trong vòng 24 giờ	x	x	x	UBCKNN, NHGS, NĐT, BDD, VSDC, Sở GDCK
10	Điều chỉnh sai lệch của danh mục đầu tư của quỹ ETF		CBTT				Bộ phận hoặc Đầu mối chịu trách nhiệm/Bộ phận Đầu tư và Quản lý Danh mục/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ	Trong vòng 24 giờ	x	x	x	UBCKNN, NHGS, NĐT, BDD, VSDC, Sở GDCK
11	Tạm ngừng giao dịch hoán đổi hoặc mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu vượt quá mức cho phép của quỹ ETF		CBTT				Bộ phận hoặc Đầu mối chịu trách nhiệm/Bộ phận Đầu tư và Quản lý	Bộ phận Quản trị Quỹ	Trong vòng 24 giờ	x	x	x	UBCKNN, NHGS, NĐT, BDD, VSDC, Sở GDCK

							Danh mục/Bộ phận Quản trị Quỹ						
12	Tài khoản của công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này		CBTT				Ngân hàng giám sát/Bộ phận Kế toán hành chính/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ	Trong vòng 24 giờ	x	x		
13	Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu		CBTT				Bộ phận Đầu tư và Quản lý Danh mục/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ	Trong vòng 24 giờ	x	x	3 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo (chỉ đăng trên website công ty)	UBCKNN, NHGS, NĐT, BDD
14	Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký		CBTT	Điều 27 và Điều 11.1 TT96	- Thông tư số 96/2020/TT-BTC		Bộ phận Kế toán hành chính	Bộ phận Quản trị Quỹ	Trong vòng 24 giờ	x	x		
15	Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty). Đồng thời, công ty gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 96;		CBTT				Văn phòng HĐQT/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ	Trong vòng 24 giờ kể từ khi có thay đổi, trong vòng 3 ngày phải gửi bản cung cấp thông tin mới	x	x		UBCK
16	Khi có quyết định khởi tố, tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của quỹ đại chúng;		CBTT				Văn phòng HĐQT/Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ	Trong vòng 24 giờ Khi nhận được thông tin	x	x		
17	Khi nhận được bản án, quyết định của Tòa án liên quan đến hoạt động của công ty; kết luận của cơ quan thuế về việc công ty vi phạm pháp luật về thuế;		CBTT				Bộ phận Kế toán hành chính	Bộ phận Quản trị Quỹ	Trong vòng 24 giờ	x	x		
18	Việc công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông bất thường ; Gồm: CBTT trước khi họp và Biên bản+Nghị quyết sau khi họp xong		CBTT	Điều 27.2 và 11.3 TT96	Thông tư số 96/2020/TT-BTC		Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ	21 ngày trước ngày khai mạc, công bố Biên bản + NQ trong vòng 24 giờ	x	x	x	UBCKNN, NHGS, NĐT, BDD
19	Trường hợp lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản, chậm nhất 21 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, công ty đại chúng phải công bố trên trang thông tin điện tử của mình, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.		CBTT				Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ	21 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến	x	x	x	UBCKNN, NHGS, NĐT, BDD
C	**CBTT theo yêu cầu của UBCK**	-	-	-	-	-	-	-	-				
1	Khi nhận được yêu cầu của UBCK (khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích nhà đầu tư, có thông tin ảnh hưởng lớn tới giá chứng khoán, có thay		CBTT	Điều 12 TT96	Thông tư số 96/2020/TT-BTC		Bộ phận Quản trị Quỹ	Bộ phận Quản trị Quỹ	Trong 24 giờ	x	x	x	UBCK

	đối bát thường về khối lượng giao dịch,...)												
D	**CBTT của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ quỹ đại chúng**	-	-	-	-	-		-	-				
1	- Báo cáo trước khi thực hiện giao dịch cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch, chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết), công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, chứng chỉ quỹ) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi, quyền mua chứng chỉ quỹ), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác) - Không được đăng ký đồng thời vừa mua, vừa bán. - Nếu vừa là nhà đầu tư lớn, vừa là người nội bộ hoặc người liên quan thì áp dụng CBTT theo quy định đối với người nội bộ		CBTT	Điều 33 TT96	Thông tư số 96/2020/TT-BTC	PL13, PL14 của TT96	Người nội bộ và người liên quan	Bộ phận Quản trị Quỹ	Trước tối thiểu 03 ngày làm việc và thời gian thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch	x	x		UBCKNN, Sở GDCK
2	- Báo cáo sau khi hoàn tất giao dịch. - Chỉ đăng ký giao dịch tiếp sau khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước. - Nếu sau khi đăng ký mà không còn là người nội bộ, người có liên quan thì vẫn phải phải báo cáo như bình thường		CBTT	Điều 33 TT96	Thông tư số 96/2020/TT-BTC	PL15, PL16 của TT96	Người nội bộ và người liên quan	Bộ phận Quản trị Quỹ	Trong vòng 5 ngày làm việc sau khi hoàn tất trước hạn, hoặc hết hạn đăng ký	x	x		UBCKNN, Sở GDCK
3	Trường hợp công ty chứng khoán là người có liên quan của người nội bộ của tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch hoặc là người có liên quan của người nội bộ của quỹ đại chúng niêm yết, khi thực hiện sửa lỗi giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch hoặc chứng chỉ quỹ niêm yết, công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch hoặc công ty quản lý quỹ trong vòng 24 giờ, kể từ thời điểm hoàn thành giao dịch sửa lỗi.		CBTT	Điều 33 TT96	Thông tư số 96/2020/TT-BTC		Công ty chứng khoán, người nội bộ	Bộ phận Quản trị Quỹ	Trong vòng 24 giờ kể từ lúc sửa lỗi xong	x	x		UBCKNN, Sở GDCK

Ghi chú:

- Các trường hợp ghi số ngày trong ngoặc thì ngày trong ngoặc là số ngày quy định. Do vậy, cần lưu ý đối với các năm nhuận để tính deadline.
-Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường Chứng khoán;
- Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán
-Thông tư 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục;
- "Thời hạn nộp" là thời hạn nộp báo cáo lên UBCK, trừ trường hợp khác sẽ được nêu tại Cột Ghi Chú.
- "Thời hạn CBTT" là thời hạn phải công bố thông tin.
- "Báo cáo bản cứng do đơn vị lập báo cáo gửi trực tiếp